

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Nguyễn Thị Ngọc Hương
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Mai Linh**

HẢI PHÒNG – 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN HIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN BẢO AN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Ngọc Hương
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Mai Linh**

HẢI PHÒNG – 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Ngọc Hương

Mã SV: 1513401003

Lớp: QTL901K

Ngành: Kế toán- kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bảo An.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Hệ thống hoá lý luận chung về tổ chức kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp.
- Mô tả thực trạng công tác kế toán hàng hóa tại Công ty cổ phần Bảo An.
- Trên cơ sở đánh giá ưu, nhược điểm của công tác kế toán hàng hóa, đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty cổ phần Bảo An.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm 2015.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty cổ phần Bảo An.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bảo An.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Ngọc Hương

ThS, Nguyễn Thị Mai Linh

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2016
Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT TÓM TẮT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp.
- Chăm chỉ, chịu khó sưu tầm số liệu phục vụ cho bài viết.
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương:

Chương 1: Tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã đi sâu phân tích thực trạng công tác kế toán hàng hóa tại Công ty cổ phần Bảo An với số liệu minh họa cụ thể (tháng 08 năm 2015). Số liệu minh họa giữa chứng từ và các sổ kế toán hợp lý, logic.

Chương 3: Sau khi đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán hàng hóa tại Công ty cổ phần Bảo An, tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bảng số:

Bảng chữ:

Hải Phòng, ngày 28 tháng 12 năm 2016

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Thị Mai Linh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán trong doanh nghiệp – Quyển 1
2. Chế độ kế toán trong doanh nghiệp – Quyển 2
3. Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006
4. Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp – GS.TS.Đặng Thị Loan
5. 26 chuẩn mực kế toán và kế toán tài chính doanh nghiệp – PGS.TS Võ Văn Nhi
6. Khóa luận của các khóa trên

LỜI MỞ ĐẦU

Đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ thì hàng hóa là quan trọng nhất. Do đó việc quản lý hàng hóa phải thật chính xác và chặt chẽ thì doanh nghiệp mới đạt được kết quả tốt trong kinh doanh, mang lại lợi nhuận cao. Bên cạnh đó doanh nghiệp cần quan tâm đến tất cả các yếu tố đầu vào và tăng cường thúc đẩy các yếu tố đầu ra sao có hiệu quả nhất, với mục đích cuối cùng là đem lại hiệu quả kinh doanh cao nhất cho doanh nghiệp. Từ các nhiệm vụ trên đòi hỏi doanh nghiệp phải tăng cường công tác quản lý là tổ chức tốt công tác hạch toán kế toán trong doanh nghiệp, đặc biệt với doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chính vì vậy là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực buôn bán hàng hoá, công ty Cổ phần Bảo An luôn đặt việc tổ chức quản lý hàng hoá lên hàng đầu. Từ khâu tìm kiếm khách hàng, tìm kiếm nguồn hàng, nhập khẩu hàng hoá, dự trữ và bảo quản hàng hoá đến khâu tiêu thụ hàng hoá trong nước đều có xây dựng kế hoạch cụ thể.

Chính vì thế sau một thời gian thực tập tại công ty Cổ phần Bảo An, em đã đi sâu vào tìm hiểu, nghiên cứu tổ chức công tác kế toán hàng hóa tại công ty và được sự giúp đỡ, chỉ bảo tận tình của các cô, chú, anh chị trong công ty và đặc biệt là phòng kế toán, cùng với sự hướng dẫn của Ths. Nguyễn Thị Mai Linh, em đã chọn đề tài “ **Hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại công ty Cổ phần Bảo An**” cho bài khóa luận của mình.

Nội dung bài khóa luận gồm 3 chương:

- Chương 1: Những vấn đề cơ bản về công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Chương 2: Thực trạng công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bảo An.
- Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bảo An.

Do thời gian thực tập có hạn và kiến thức còn hạn chế nên không tránh khỏi những sai sót trong khóa luận này. Em mong nhận được sự góp ý của các thầy cô khác trong khoa để em có thể hoàn thiện khóa luận cũng như vốn kiến thức của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Hàng hóa là đối tượng kinh doanh cũng là đối tượng lao động của doanh nghiệp vừa và nhỏ, là đối tượng mà doanh nghiệp mua đi bán lại với mục đích kiếm lời.

Hàng hóa luôn luôn đa dạng về chủng loại, kích cỡ và giá cả và biến động không ngừng nên doanh nghiệp phải theo dõi tình hình xuất, nhập, tồn về số lượng, chất lượng và chủng loại.

Do đó kế toán hàng hóa đóng vai trò vô cùng quan trọng trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. Kế toán hàng hóa giúp cho doanh nghiệp giảm bớt một cách tối thiểu những rủi ro về mặt quản lý hàng hóa trong doanh nghiệp. Làm giảm thấp nhất những mất mát, hao hụt hàng hóa trong các khâu của quá trình kinh doanh thương mại, từ đó làm tăng lợi nhuận của công ty.

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm của hàng hóa.

+) *Khái niệm của hàng hóa*

Hàng hóa là những vật phẩm các doanh nghiệp mua về phục vụ cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của xã hội.

Hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ luôn đa dạng về chủng loại và biến động liên tục nên cần phải theo dõi thường xuyên lượng xuất – nhập – tồn về mặt số lượng, giá trị và chủng loại.

+) *Đặc điểm của hàng hóa:*

Hàng hóa được biểu hiện trên hai mặt giá trị và số lượng.

Số lượng của hàng hóa được xác định bằng đơn vị đo lường phù hợp với tính

chất hóa học, lý học của nó như kg, lít, mét... Nó phản ánh quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Chất lượng của hàng hóa được xác định bằng tỷ lệ % tốt, xấu, và giá trị phẩm cấp của hàng hóa.

Hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ thường được phân loại các ngành như sau:

- + Hàng vật tư thiết bị.
- + Hàng công nghệ phẩm tiêu dùng.
- + Hàng lương thực, thực phẩm.

Tổng hợp tất cả các quá trình thuộc hoạt động mua bán, trao đổi và dự trữ hàng hóa trong doanh nghiệp kinh doanh vừa và nhỏ được gọi là lưu chuyển hàng hóa.

Trong lưu thông, hàng hóa thay đổi quyền sở hữu nhưng chưa đưa vào sử dụng. Khi kết thúc quá trình lưu thông, hàng hóa mới được đưa vào sử dụng để đáp ứng nhu cầu cho tiêu dùng hay sản xuất.

Quá trình bán hàng trong doanh nghiệp được thực hiện theo 2 phương thức:

+ Bán buôn: bán với số lượng lớn. Hầu như khi kết thúc quá trình bán thì hàng hóa vẫn chưa đến tay người tiêu dùng mà phần lớn vẫn còn trong lĩnh vực lưu thông.

+ Bán lẻ: bán trực tiếp cho người tiêu dùng, và kết thúc quá trình bán hàng thì hàng hóa đã vào lĩnh vực tiêu dùng.

Trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ thì vốn hàng hóa là vốn chủ yếu nhất và nghiệp vụ kinh doanh hàng hóa là nghiệp vụ phát sinh thường xuyên với khối lượng công việc lớn.

Vì vậy, việc tổ chức lưu chuyển hàng hóa có ý nghĩa hết sức quan trọng với toàn bộ kế toán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Trong nền kinh tế thị trường, tổ chức tốt công tác hoàn thiện kế toán hàng hóa đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ là vô cùng quan trọng. Chính vì thế mà kế

toán hàng hóa phải nắm chính xác số liệu, cũng như chi tiết từng loại hàng hóa và phải đánh giá chính xác tình hình lưu chuyển hàng hóa của doanh nghiệp.

Để quản lý tốt hàng hóa trong doanh nghiệp ta cần phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- + Tổ chức ghi chép, phản ánh tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, xuất – nhập – tồn của hàng hóa.

- + Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch thu mua hàng hóa về mặt số lượng và chủng loại, giá cả, thời hạn nhằm đảm bảo cung cấp kịp thời cho quá trình kinh doanh của doanh nghiệp.

- + Áp dụng đúng đắn các phương pháp về kỹ thuật hạch toán hàng hóa, hướng dẫn kiểm tra các bộ phận trong doanh nghiệp thực hiện đầy đủ chế độ hạch toán kế toán.

- + Tham gia kiểm kê, đánh giá hàng hóa theo chế độ nhà nước quy định.

1.1.4. Phân loại và tính giá của hàng hóa.

1.1.4.1. Phân loại hàng hóa.

Theo tính chất thương phẩm kết hợp với đặc trưng kỹ thuật thì hàng hóa được chia theo từng ngành hàng, trong từng ngành hàng bao gồm nhiều nhóm hàng, mỗi nhóm hàng gồm nhiều mặt hàng:

- Phân loại theo các ngành hàng thì hàng hóa được chia thành:

- + Hàng kim khí điện máy.

- + Hàng hóa chất dầu mỏ.

- + Hàng xăng dầu.

- + Hàng dệt may, bông vải sợi.

- + Hàng da cao su.

- + Hàng gốm sứ, thủy tinh.

- + Hàng mây, tre đan.

- + Hàng rượu bia, thuốc lá.

- Phân loại theo nguồn gốc sản xuất thì hàng hóa được chia thành:

- + Ngành hàng nông sản.
- + Ngành hàng lâm sản.
- + Ngành hàng thủy sản.
- Phân loại theo khâu lưu thông thì hàng hóa được chia thành:
 - + Hàng hóa ở khâu bán buôn.
 - + Hàng hóa ở khâu bán lẻ.
- Phân loại theo phương thức vận động thì hàng hóa được chia thành:
 - + Hàng hóa chuyên qua kho.
 - + Hàng hóa chuyên giao bán thẳng.

Việc phân loại và xác định những hàng nào thuộc hàng tồn kho của doanh nghiệp ảnh hưởng tới việc tính chính xác của hàng tồn kho phản ánh trên bảng cân đối kế toán và ảnh hưởng tới các chỉ tiêu trên bảng báo cáo kết quả kinh doanh. Vì vậy việc phân loại hàng tồn kho là cần thiết và vô cùng quan trọng đối với doanh nghiệp.

1.1.4.2. Tính giá của hàng hóa

a) Nguyên tắc đánh giá:

(1). Trị giá của hàng hóa phải được đánh giá theo nguyên tắc “giá gốc”. Kế toán phải xác định được giá gốc của hàng hóa ở từng thời điểm khác nhau.

Giá gốc bao gồm: Chi phí thu mua (gồm cả giá mua), chi phí vận chuyển, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng hóa ở thời điểm hiện tại.

(2). Kế toán hàng hóa phải thực hiện đồng thời kế toán chi tiết cả về giá trị lẫn hiện vật. Kế toán phải theo dõi từng thứ, từng loại...theo từng địa điểm sử dụng, luôn phải đảm bảo sự khớp đúng cả về giá trị lẫn hiện vật, giữa thực tế với số liệu trên sổ kế toán, giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết.

(3). Trong một doanh nghiệp chỉ được áp dụng một trong hai phương pháp kế toán hàng hóa: Phương pháp kiểm kê định kỳ hoặc phương pháp kê khai thường xuyên. Việc lựa chọn phương pháp nào là tùy thuộc vào tình hình cụ thể của doanh

nghiệp như: đặc điểm, tính chất, số lượng chủng loại và yêu cầu công tác quản lý của doanh nghiệp. Khi thực hiện phải đảm bảo tính nhất quán trong niên độ kế toán.

(4). Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện của hàng hóa nhỏ hơn giá trị gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng hóa. Số dự phòng giảm giá được lập vào quy định theo hiện hành.

Giá trị thuần có thể thực hiện được: là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cần thiết cho việc hoàn thành hoặc tiêu thụ chúng.

b) Phương pháp tính giá hàng hóa:

**)Tính giá hàng hóa nhập kho:*

- Đối với hàng hóa mua ngoài:

Giá thực tế hàng hóa nhập kho	=	Giá mua ghi hóa đơn	+	Chi phí khác liên quan	+	Các khoản thuế không được hoàn lại	-	Giá vốn hàng bán và chiết khấu thương mại
-------------------------------	---	---------------------	---	------------------------	---	------------------------------------	---	---

Giá mua ghi trên hóa đơn: Là số tiền mà doanh nghiệp phải trả cho người bán ghi trên hợp đồng hay hóa đơn tùy thuộc vào phương pháp tính thuế GTGT mà doanh nghiệp áp dụng cụ thể là:

+ Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá mua hàng hóa là giá chưa có thuế GTGT đầu vào.

+ Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và hàng không chịu thuế GTGT thì giá mua hàng hóa là tổng thanh toán.

Các khoản thuế không hoàn lại: Thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT (không khấu trừ).

Chi phí thu mua hàng hóa: Chi phí vận chuyển, bốc dỡ, bảo quản, lưu kho, lưu bãi, bảo hiểm hàng hóa, hao hụt trong định mức cho phép, công tác chi phí của bộ phận thu mua,...

Khóa luận tốt nghiệp

Chiết khấu thương mại: Là số tiền mà doanh nghiệp được giảm trừ do đã mua hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận.

Giảm giá hàng mua: Là số tiền mà người bán giảm trừ cho người mua do hàng kém phẩm chất, sai quy cách,... khoản này ghi giảm giá mua hàng hóa.

- *Đối với hàng hóa do doanh nghiệp tự gia công chế biến:*

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá xuất kho để} \\ \text{gia công, chế biến} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí gia công,} \\ \text{chế biến} \end{array}$$

**Đối với hàng hóa thuê ngoài gia công, chế biến:*

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá xuất kho đem} \\ \text{thuê ngoài gia} \\ \text{công, chế biến} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận} \\ \text{chuyên bốc} \\ \text{xếp đem đi gia} \\ \text{công, chế biến} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{thuê} \\ \text{ngoài} \\ \text{chế biến} \end{array}$$

- *Đối với hàng hóa được biếu tặng:* Giá nhập kho là giá thực tế được xác định theo thời giá trên thị trường.

Phân bổ chi phí thu mua hàng hóa:

Toàn bộ chi phí thu mua hàng hóa phải được tính toán phân bổ cho hàng hóa đã bán và hàng tồn kho chưa bán được vào lúc cuối kỳ. Khi doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho bằng phương pháp kê khai thường xuyên thì hàng ngày khi xuất kho hàng hóa để bán, kế toán sẽ tính toán và ghi chép vào các tài khoản có liên quan theo chỉ tiêu giá mua hàng hóa. Đến cuối kỳ, trước khi xác định kết quả kinh doanh, kế toán phải phân bổ chi phí thu mua hàng hóa cho hàng đã bán trong kỳ và hàng tồn kho cuối kỳ để tính giá vốn của hàng hóa đã bán và hàng hóa chưa bán trong kỳ.

Việc lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí thu mua hàng hóa tùy thuộc vào tình hình cụ thể của mỗi doanh nghiệp, nhưng phải được thực hiện nhất quán trong niên độ kế toán.

Ta có thể vận dụng một trong những cách tính toán sau đây:

+ Phân bổ theo giá trị thu mua:

Khóa luận tốt nghiệp

$$\begin{array}{l}
 \text{Chi phí thu} \\
 \text{mua phân} \\
 \text{bổ cho hàng} \\
 \text{xuất bán} \\
 \text{trong kỳ}
 \end{array}
 =
 \frac{
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí thu} \\
 \text{mua phân} \\
 \text{bổ cho hàng} \\
 \text{xuất bán} \\
 \text{trong kỳ}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí thu} \\
 \text{mua phát sinh} \\
 \text{trong kỳ}
 \end{array}
 }{
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí thu} \\
 \text{mua phân} \\
 \text{bổ cho hàng} \\
 \text{xuất bán} \\
 \text{trong kỳ}
 \end{array}
 }
 *
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí thu} \\
 \text{mua phát sinh} \\
 \text{trong kỳ}
 \end{array}$$

Phương pháp này có tính chính xác cao, thích hợp trong trường hợp nhập hàng có chênh lệch giá trị lớn, nhưng tính toán phức tạp trong trường hợp số lượng nhập xuất lớn.

+ Phân bổ theo số lượng:

$$\begin{array}{l}
 \text{Chi phí thu} \\
 \text{mua phân} \\
 \text{bổ cho hàng} \\
 \text{xuất bán} \\
 \text{trong kỳ}
 \end{array}
 =
 \frac{
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí thu mua} \\
 \text{phân bổ cho hàng} \\
 \text{tồn kho đầu kỳ}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí thu mua} \\
 \text{phát sinh trong kỳ}
 \end{array}
 }{
 \begin{array}{l}
 \text{Số lượng hàng tồn} \\
 \text{đầu kỳ}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Số lượng hàng} \\
 \text{nhập trong kỳ}
 \end{array}
 }
 *
 \begin{array}{l}
 \text{Số lượng} \\
 \text{hàng xuất} \\
 \text{bán trong kỳ}
 \end{array}$$

Phương pháp này tính toán dễ dàng nhưng cho kết quả mang tính chất tương đối vì chỉ phụ thuộc vào số lượng hàng nhập.

**)Tính giá hàng hóa xuất kho:*

Theo chuẩn mực kế toán hàng hóa, hàng hóa xuất kho được áp dụng một trong các phương pháp sau:

- + Phương pháp tính theo giá đích danh.
- + Phương pháp tính bình quân gia quyền.
- + Phương pháp tính nhập trước xuất trước.

+ Phương pháp giá bán lẻ.

a) Phương pháp tính theo giá đích danh:

+ Nội dung: Theo phương pháp này, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập của lô hàng đó để tính.

+ Ưu điểm:

- Đơn giản và dễ tính toán.
- Chi phí xuất bán phù hợp.
- Phản ánh đúng giá trị của hàng tồn kho.

+ Nhược điểm: Đòi hỏi nhiều công sức nên không phù hợp với doanh nghiệp kinh doanh nhiều mặt hàng.

+ Phạm vi áp dụng: Doanh nghiệp kinh doanh có ít loại mặt hàng, hàng hoá có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng hoá nhận diện được.

b) Phương pháp tính bình quân gia quyền:

+ Nội dung: Theo phương pháp này, giá trị của hàng hóa xuất kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng hóa tồn đầu kỳ và giá trị từng loại mua. Giá trị trung bình có thể tính theo thời kỳ hoặc mỗi khi nhập hàng hóa về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

Giá trị thực tế xuất kho = Số lượng xuất kho x đơn giá thực tế bình quân

Theo giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính giá trị vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng hóa căn cứ vào giá nhập, lượng hàng hóa đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân.

Khóa luận tốt nghiệp

$$\text{Đơn giá thực tế bình quân} = \frac{\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

+) Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính một lần vào cuối kỳ.

+) Nhược điểm:

- Độ chính xác không cao, công tác kế toán dồn vào cuối kỳ làm ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hàng khác.

- Chưa đáp ứng kịp thời thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

+) Phạm vi áp dụng: Có thể áp dụng được cho tất cả loại hình doanh nghiệp.

Theo giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (bình quân liên hoàn) ;

Sau mỗi lần nhập hàng hóa, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo công thức sau:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

+) Ưu điểm: Khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên.

+) Nhược điểm: Tính toán phức tạp, nhiều lần mất nhiều công sức.

+) Phạm vi áp dụng: Phương pháp này rất thích hợp cho những doanh nghiệp có ít chủng loại hàng hóa, có lưu lượng nhập xuất ít.

c) Phương pháp tính nhập trước xuất trước (FIFO):

+) Nội dung: Hàng hóa nào nhập trước sẽ được xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của

những lần nhập sau cùng. Quy ước, hàng tồn đầu kỳ được coi là nhập lần đầu tiên trong kỳ.

+) Ưu điểm: Thích hợp trong điều kiện giá cả thị trường ổn định hoặc có xu hướng giảm, cho phép kế toán có thể định giá hàng hóa xuất kho kịp thời.

+) Nhược điểm: Khối lượng tính toán lớn làm cho doanh thu thời điểm hiện tại không phù hợp với chi phí hiện tại.

+) Phạm vi áp dụng: Có thể áp dụng với doanh nghiệp có số lần nhập – xuất ít, chủng loại hàng hóa ít, đơn giá hàng hóa lớn cần theo dõi chính xác đơn giá xuất của từng loại hàng hóa theo từng lần nhập.

d) Phương pháp giá bán lẻ:

+) Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác.

+) Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

+) Chi phí mua hàng trong kỳ được tính cho hàng tiêu thụ trong kỳ và hàng tồn kho cuối kỳ. Việc lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí mua hàng tùy thuộc tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp nhưng phải thực hiện theo nguyên tắc nhất quán.

+) Phạm vi áp dụng: Được áp dụng cho một số đơn vị đặc thù (ví dụ như các đơn vị kinh doanh siêu thị hoặc tương tự). Đặc điểm của loại hình kinh doanh siêu thị là chủng loại mặt hàng rất lớn, mỗi mặt hàng lại có số lượng lớn. Khi bán hàng, các siêu thị không thể tính ngay giá vốn của hàng bán vì chủng loại và số lượng các mặt hàng bán ra hàng ngày rất nhiều, lượng khách hàng đông. Vì vậy, các siêu thị thường xây dựng một tỷ lệ lợi nhuận biên trên giá vốn hàng mua vào để xác định ra giá bán hàng hóa (tức là doanh thu). Sau đó, căn cứ doanh số bán ra và tỷ lệ

lợi nhuận biên, siêu thị sẽ xác định giá vốn hàng đã bán và giá trị hàng còn tồn kho.

Ngành kinh doanh bán lẻ như hệ thống các siêu thị đang phát triển mạnh mẽ. Mặc dù Chuẩn mực Việt Nam chưa có quy định cách tính giá gốc hàng tồn kho theo phương pháp bán lẻ nhưng thực tế các siêu thị vẫn áp dụng vì các phương pháp khác đã quy định trong Chuẩn mực không phù hợp để tính giá trị hàng tồn kho và giá vốn hàng bán của siêu thị. Việc bổ sung quy định này là phù hợp với thực tiễn kinh doanh bán lẻ tại Việt Nam và phù hợp với thông lệ quốc tế. Các thông tin về doanh số của siêu thị được xác định hàng ngày sẽ là căn cứ để xác định giá vốn và giá trị hàng tồn kho của siêu thị.

1.2. Nội dung công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.2.1. Kế toán chi tiết hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.2.1.1. Phương pháp thẻ song song

+ Ở kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng danh điểm hàng hoá, ở từng kho theo chỉ tiêu số lượng. Thẻ kho do kế toán lập rồi ghi vào sổ đăng ký thẻ kho trước khi giao cho thủ kho ghi chép. Thẻ kho được bảo quản trong hòm thẻ hay tủ nhiều ngăn, trong đó các thẻ kho được sắp xếp theo loại, nhóm, thứ (mặt hàng) của hàng hoá đảm bảo dễ tìm kiếm khi sử dụng.

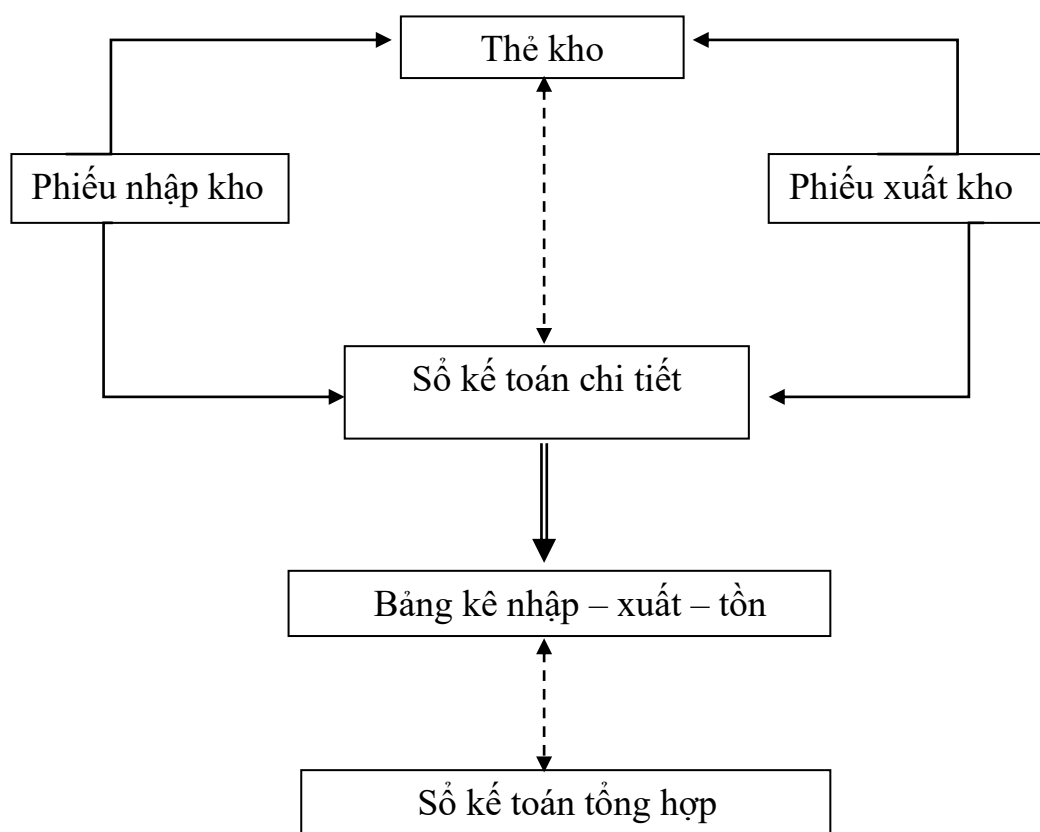
Hàng ngày khi có nghiệp vụ nhập, xuất vật tư, hàng hoá thực tế phát sinh, thủ kho thực hiện việc thu phát vật tư, hàng hoá và ghi số lượng thực tế nhập, xuất vào chứng từ nhập, xuất. Căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất kho thủ kho ghi số lượng nhập, xuất vật tư, hàng hoá vào thẻ kho của thứ vật tư, hàng hoá có liên quan. Mỗi chứng từ được ghi một dòng trên thẻ kho, cuối ngày thủ kho tính ra số lượng hàng tồn kho để ghi vào cột “tồn” của thẻ kho. Cuối kỳ thủ kho căn cứ số liệu trên thẻ kho để đối chiếu với sổ chi tiết hàng hóa.

+ Ở phòng kế toán: Kế toán sử dụng sổ (thẻ) kế toán chi tiết để ghi chép tình hình nhập xuất kho cho từng thứ hàng hoá theo cả hai chỉ tiêu số lượng và giá trị.

Khóa luận tốt nghiệp

Định kỳ, nhân viên kế toán xuống kho nhận chứng từ và kiểm tra việc ghi chép của thủ kho, sau đó ký nhận vào phiếu giao nhận chứng từ. Khi nhận được chứng từ nhập, xuất của thủ kho gửi lên, kế toán kiểm tra lại chứng từ, hoàn chỉnh chứng từ rồi ghi vào sổ (thẻ) chi tiết hàng hóa. Mỗi chứng từ được ghi một dòng. Cuối tháng kế toán lập bảng kê nhập- xuất- tồn trên sổ kế toán tổng hợp, sau đó đối chiếu với thẻ kho, sổ kế toán tổng hợp và số liệu kiểm kê thực tế.

+ **Trình tự ghi sổ như sau:**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ← - - - → Đối chiếu hoặc kiểm tra cuối tháng

Sơ đồ 1.1: Kế toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp ghi thẻ song song

+) Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra đối chiếu số liệu, đảm bảo độ tin cậy cao của thông tin và có khả năng cung cấp thông tin nhanh cho quản trị hàng tồn kho.

+) Nhược điểm: Khối lượng ghi chép lớn (đặc biệt trường hợp doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, hàng hoá), ghi chép trùng lặp chỉ tiêu số lượng giữa kế toán và thủ kho.

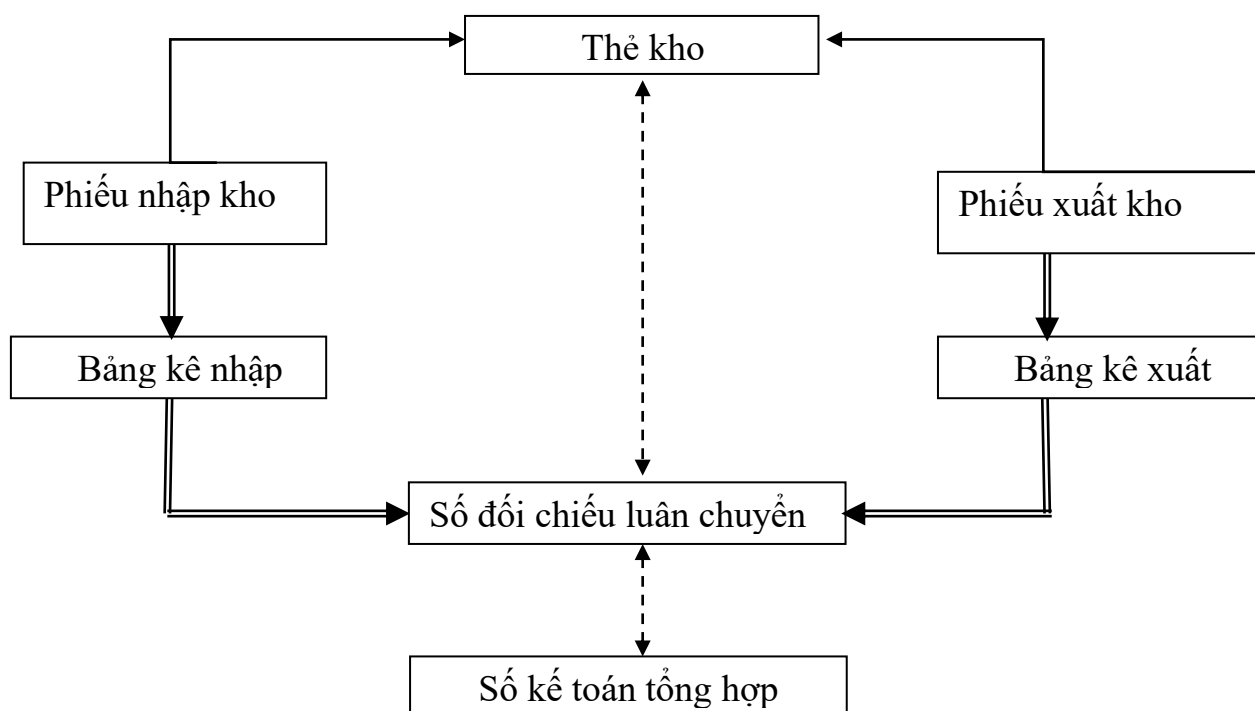
+) Điều kiện áp dụng: Thích hợp trong các doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư, hàng hoá, khối lượng các nghiệp vụ nhập, xuất ít, phát sinh không thường xuyên, trình độ của nhân viên kế toán chưa cao.

1.2.1.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.

+ Ở kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép giống như phương pháp ghi thẻ song song.

+ Ở phòng kế toán: Định kỳ, sau khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho từ thủ kho, kế toán thực hiện kiểm tra và hoàn chỉnh chứng từ. Sau đó, thực hiện tập hợp các chứng từ nhập, xuất theo từng thứ vật tư, hàng hoá (có thể lập bảng kê nhập, bảng kê xuất vật tư, hàng hoá để thuận lợi cho việc theo dõi và ghi sổ đối chiếu luân chuyển cuối tháng). Sổ đối chiếu luân chuyển được kế toán mở cho cả năm và được ghi vào cuối mỗi tháng. Sổ được dùng để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ vật tư, hàng hoá thuộc từng kho. Sổ theo dõi cả chỉ tiêu số lượng và chỉ tiêu thành tiền trong cả tháng của hàng nhập, xuất, tồn kho. Mỗi thứ vật tư, hàng hoá được ghi một dòng trên sổ. Sau khi hoàn thành việc ghi sổ đối chiếu luân chuyển, kế toán thực hiện đối chiếu số liệu trên sổ này với số liệu trên thẻ kho và số liệu trên sổ kế toán tài chính liên quan (nếu cần).

+ **Trình tự ghi sổ như sau:**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ← - - - → Đối chiếu hoặc kiểm tra cuối tháng

Sơ đồ 1.2: Kế toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp ghi sổ đối chiếu luân chuyển

+)
Ưu điểm: Với phương pháp này khối lượng ghi chép có giảm bớt so với phương pháp ghi thẻ song song.

+)
Nhược điểm: Vẫn trùng lặp chỉ tiêu số lượng giữa ghi chép của thủ kho và kế toán.

- Nếu không lập bảng kê nhập, bảng kê xuất hàng hoá thì việc sắp xếp chứng từ nhập, xuất trong cả tháng để ghi sổ đối chiếu luân chuyển dễ phát sinh nhầm lẫn sai sót. Nếu lập bảng kê nhập, bảng kê xuất thì khối lượng ghi chép vẫn lớn.

– Việc kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa kho và phòng kế toán chỉ được tiến hành vào cuối tháng, vì vậy hạn chế chức năng kiểm tra của kế toán .

– Theo phương pháp này, để lập báo cáo nhanh hàng tồn kho cần phải dựa vào số liệu trên thẻ kho.

Theo yêu cầu cung cấp thông tin nhanh phục vụ quản trị hàng tồn kho thì các doanh nghiệp không nên sử dụng phương pháp này.

1.2.1.3. Phương pháp sổ số dư:

+ Ở kho: Ngoài việc sử dụng thẻ kho để ghi chép tương tự hai phương pháp trên, thủ kho còn sử dụng sổ số dư để ghi chép số tồn kho cuối tháng của từng thứ vật tư, hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng. Sổ số dư do kế toán lập cho từng kho, mở theo năm. Cuối mỗi tháng sổ số dư được chuyển cho thủ kho để ghi số lượng hàng tồn kho trên cơ sở số liệu từ các thẻ kho. Trên sổ số dư hàng hoá được sắp xếp theo thứ, nhóm, loại. Mỗi nhóm có dòng cộng nhóm, mỗi loại có dòng cộng loại.

+ Ở phòng kế toán: Định kỳ nhân viên kế toán xuống kho để kiểm tra việc ghi chép trên thẻ kho của thủ kho và trực tiếp nhận chứng từ nhập, xuất kho. Sau khi kiểm tra, kế toán ký xác nhận vào từng thẻ kho và ký vào phiếu giao nhận chứng từ rồi mang chứng từ về phòng kế toán.

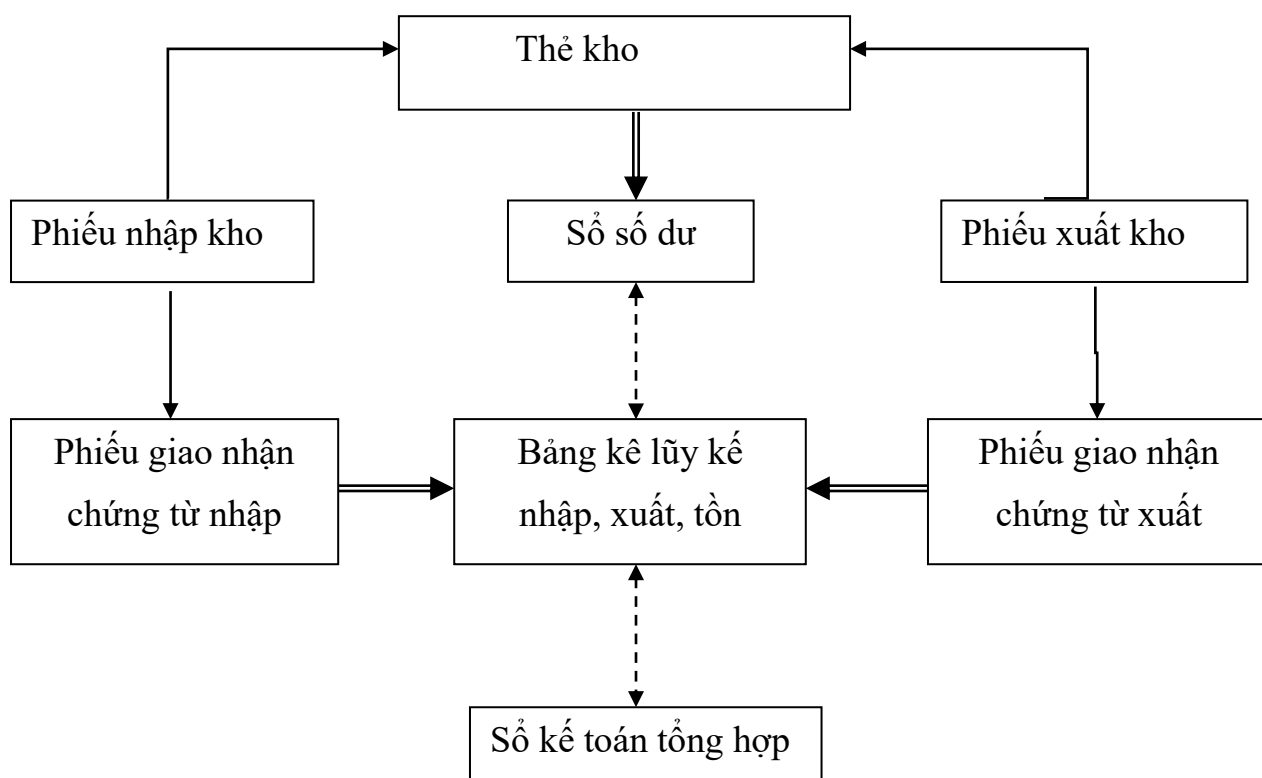
Tại phòng kế toán, nhân viên kế toán kiểm tra lại chứng từ và hoàn chỉnh chứng từ sau đó tổng hợp giá trị (giá hạch toán) của hàng hoá theo từng nhóm, loại hàng nhập, xuất để ghi vào cột “thành tiền” của phiếu giao nhận chứng từ. Số liệu thành tiền trên phiếu giao nhận chứng từ nhập (xuất) hàng hoá theo từng nhóm, loại hàng được ghi vào bảng kê lũy kế nhập và bảng kê lũy kế xuất vật tư, hàng hoá.

Các bảng này mở theo từng kho hoặc nhiều kho (nếu các kho được chuyên môn hoá). Cuối tháng, cộng số liệu trên bảng lũy kế nhập, bảng lũy kế xuất hàng hoá để ghi vào các phần nhập, xuất trên bảng kê tổng hợp nhập, xuất, tồn kho rồi tính ra số tồn kho cuối tháng của từng nhóm, loại hàng tồn kho và ghi vào cột “Tồn kho cuối tháng” của bảng kê này. Đồng thời, vào cuối tháng sau khi nhận được sổ số dư từ thủ kho chuyển lên, kế toán tính giá hạch toán của hàng tồn kho để ghi vào sổ số dư cột “thành tiền” (TT). Sau đó cộng theo nhóm, loại hàng hoá trên sổ

số dư, số liệu này phải khớp với số liệu cột “tồn kho cuối tháng” của nhóm, loại vật tư, hàng hoá tương ứng trên bảng kê tổng hợp nhập, xuất, tồn kho cùng kỳ.

Số liệu trên bảng kê tổng hợp nhập, xuất, tồn kho còn được sử dụng để đối chiếu với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp liên quan .

+ **Trình tự ghi sổ như sau:**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- <---> Đối chiếu hoặc kiểm tra cuối tháng

Sơ đồ 1.3: Kế toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp ghi sổ số dư

+) Ưu điểm:

- Giảm bớt được khối lượng ghi chép do kế toán chỉ ghi chỉ tiêu thành tiền của vật tư, hàng hoá theo nhóm và theo loại.
- Kế toán thực hiện được việc kiểm tra thường xuyên đối với ghi chép của thủ kho trên thẻ kho và kiểm tra thường xuyên việc bảo quản hàng trong kho của thủ kho.
- Công việc dàn đều trong tháng, nên đảm bảo cung cấp kịp thời các số liệu cần thiết phục vụ cho quản trị hàng hoá.

+) Nhược điểm:

- Do ở phòng kế toán chỉ ghi chỉ tiêu thành tiền của nhóm và loại hàng hoá vậy để có thông tin về tình hình nhập, xuất, hiện còn của thứ hàng nào đó phải căn cứ vào số liệu trên thẻ kho.
- Khi cần lập báo cáo tuần kỳ về hàng hoá phải căn cứ trực tiếp vào số liệu trên các thẻ kho.
- Khi kiểm tra đối chiếu số liệu, nếu phát hiện sự không khớp đúng giữa số liệu trên sổ số dư với số liệu tương ứng trên bảng kê nhập, xuất, tồn kho thì việc tìm kiếm tra cứu sẽ rất phức tạp.

+ Điều kiện áp dụng:

- Nên áp dụng trong các doanh nghiệp sử dụng nhiều chủng loại hàng hóa hay kinh doanh nhiều mặt hàng, tình hình nhập, xuất hàng hoá xảy ra thường xuyên.
- Doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống đơn giá hạch toán sử dụng trong hạch toán chi tiết hàng hoá và xây dựng được hệ thống danh điểm hàng hoá hợp lý. Nhân viên kế toán hàng tồn kho có trình độ cao, đồng thời thủ kho của doanh nghiệp vừa có khả năng chuyên môn tốt, vừa ý thức được đầy đủ trách nhiệm trong quản lý hàng hoá.

1.2.2. Kế toán tổng hợp hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.2.2.1. Kế toán tổng hợp hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên.

+ Phương pháp kê khai thường xuyên theo dõi và phản ánh thường xuyên liên tục có hệ thống tình hình Nhập - Xuất - Tồn kho hàng tồn kho trên sổ kế toán.

+ Với phương pháp kê khai thường xuyên, các tài khoản hàng tồn kho (Loại 15...) được dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng giảm của hàng hoá. Do vậy, giá trị hàng tồn kho trên sổ kế toán có thể xác định tại bất cứ thời điểm nào trong kỳ kế toán. Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế hàng hoá tồn kho, so sánh với số liệu hàng hoá tồn kho trên sổ kế toán. Về nguyên tắc số liệu tồn kho thực tế luôn luôn phù hợp với số liệu trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch phải xác định nguyên nhân và xử lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Quá trình hoạt động giữa kế toán, thủ kho và phòng kinh doanh được diễn ra liên tục thông qua việc giao nhận các chứng từ.

+ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu nhập kho (Mẫu số 01 – VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 – VT)
- Hóa đơn bán hàng (Mẫu số 01GTK3/001)
- Biên bản kiểm kê vật tư, hàng hoá.
- Một số giấy tờ liên quan khác.

+ Tài khoản sử dụng:

- ◆ Tài khoản 156- Hàng hóa.

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các loại hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm hàng hóa tại các kho hàng, quầy hàng, hàng hóa bất động sản.

Bên Nợ TK 156:

- Trị giá mua vào của hàng hoá theo hoá đơn mua hàng (Bao gồm các loại thuế không được hoàn lại);
- Chi phí thu mua hàng hoá;

SV: Nguyễn Thị Ngọc Hương – QTL901K

Khóa luận tốt nghiệp

- Trị giá của hàng hoá thuê ngoài gia công (Gồm giá mua vào và chi phí gia công).
- Trị giá hàng hoá đã bán bị người mua trả lại.
- Trị giá hàng hoá phát hiện thừa khi kiểm kê.
- Bất động sản mua vào.
- Trị giá hàng hoá bất động sản mua vào hoặc chuyển từ bất động sản đầu tư.

Bên Có TK 156:

- Trị giá của hàng hoá xuất kho để bán, giao đại lý, giao cho đơn vị phụ thuộc, thuê ngoài gia công, hoặc sử dụng cho sản xuất, kinh doanh.
- Chi phí thu mua phân bổ cho hàng hoá đã bán trong kỳ.
- Chiết khấu thương mại hàng mua được hưởng.
- Các khoản giảm giá hàng mua được hưởng.
- Trị giá hàng hoá trả lại cho người bán.
- Trị giá hàng hoá phát hiện thiếu khi kiểm kê.
- Kết chuyển trị giá hàng hoá tồn kho đầu kỳ (Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).
- Trị giá hàng hoá bất động sản đã bán hoặc chuyển thành bất động sản đầu tư, bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc tài sản cố định.

Số dư bên Nợ:

- Trị giá mua vào của hàng hoá tồn kho.
- Chi phí thu mua của hàng hoá tồn kho.

*Tài khoản 156 - Hàng hoá, có 3 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 1561 - Giá mua hàng hoá:* Phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động của hàng hoá mua vào và đã nhập kho (Tính theo trị giá mua vào).

- *Tài khoản 1562 - Chi phí thu mua hàng hoá:* Phản ánh chi phí thu mua hàng hoá phát sinh liên quan tới số hàng hoá đã nhập kho trong kỳ và tình hình phân bổ chi phí thu mua hàng hoá hiện có trong kỳ cho khối lượng hàng hoá đã bán trong kỳ và tồn kho thực tế cuối kỳ (Kể cả tồn trong kho và hàng gửi đi bán, hàng gửi đại lý, ký gửi chưa bán được). Chi phí thu mua hàng hoá hạch toán vào

tài khoản này chỉ bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến quá trình thu mua hàng hoá như: Chi phí bảo hiểm hàng hoá, tiền thuê kho, thuê bến bãi, . . . chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản đưa hàng hoá từ nơi mua về đến kho doanh nghiệp; các khoản hao hụt tự nhiên trong định mức phát sinh trong quá trình thu mua hàng hoá.

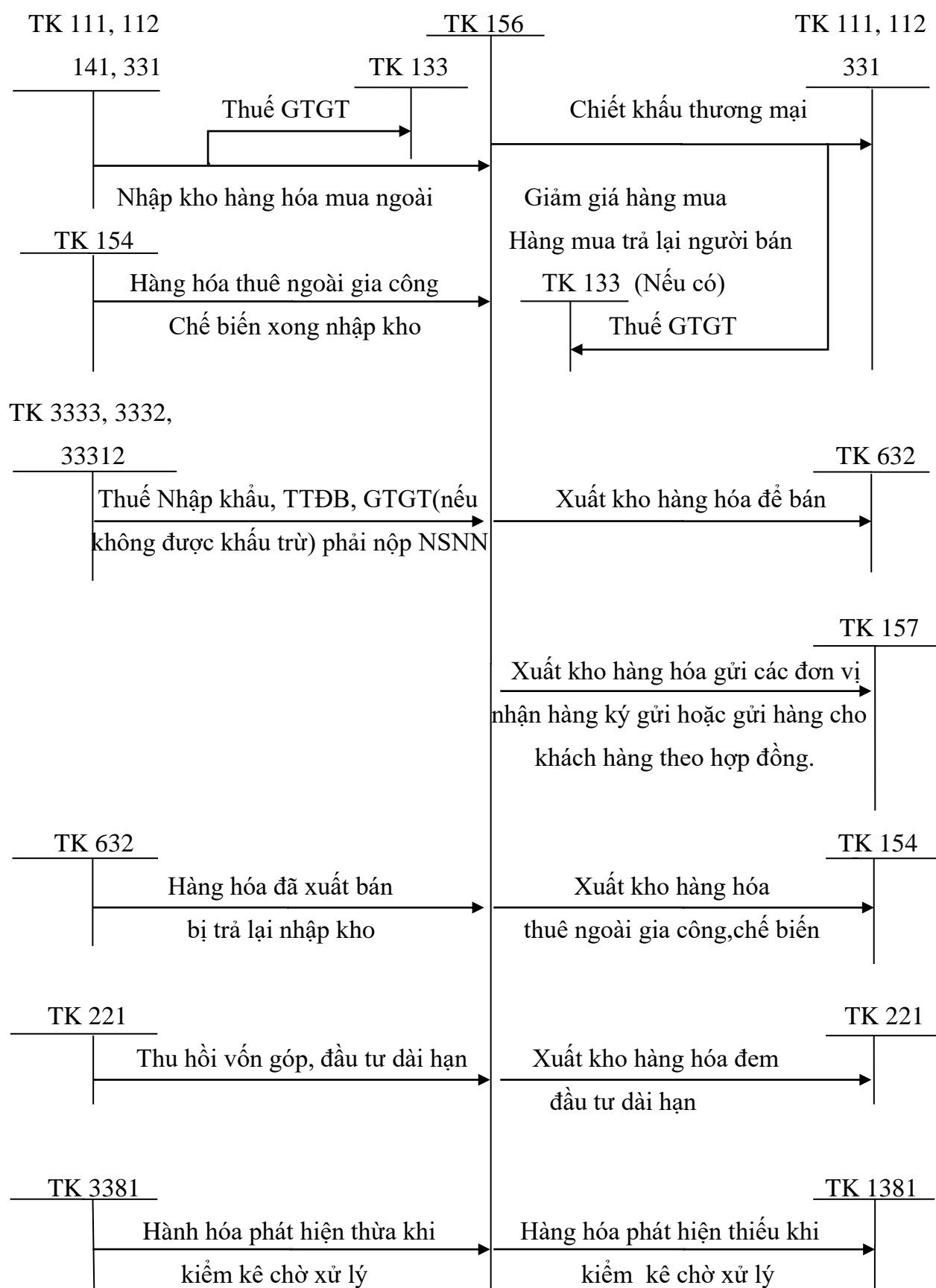
- *Tài khoản 1567 - Hàng hoá bất động sản*: Phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động của các loại hàng hoá bất động sản của doanh nghiệp.

+ Phương pháp hạch toán.

Phương pháp hạch toán hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện qua sơ đồ sau:

❖ Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên:

Khóa luận tốt nghiệp



1.2.2.2. Kế toán tổng hợp hàng hóa theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ của vật tư, hàng hoá trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính giá trị của hàng hoá, vật tư đã xuất trong kỳ theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá của hàng} \\ \text{hóa xuất trong} \\ \text{kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trị giá của} \\ \text{hàng hóa} \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá của} \\ \text{hàng hóa nhập} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Trị giá của} \\ \text{hàng hóa} \\ \text{tồn cuối kỳ} \end{array}$$

Như vậy, theo phương pháp kiểm kê định kỳ, khi nhập hàng bắt buộc phải ghi chi tiết, kịp thời; còn khi xuất ra để bán, sử dụng thì không cần ghi theo thời điểm xuất nhưng đến cuối tháng bắt buộc phải kiểm kê thực tế hàng tồn kho để tính giá trị hàng xuất.

+ Tài khoản kế toán sử dụng:

Áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, các tài khoản hàng tồn kho chỉ sử dụng ở đầu kỳ và cuối kỳ kế toán để kết chuyển số dư đầu kỳ và theo dõi số dư cuối kỳ. Kế toán phản ánh tính hình nhập hàng, việc được giảm giá hàng mua, được hưởng chiết khấu mua hàng, và hàng xuất trả lại vào tài khoản 611. Cụ thể, kết cấu và nội dung phản ánh của các tài khoản được sử dụng ở phương pháp này như sau:

+ Tài khoản 611 "Mua hàng" (tiểu khoản 6112 - Mua hàng hoá):

Tài khoản này để phản ánh trị giá hàng hoá mua vào và tăng thêm do các nguyên nhân khác trong kỳ.

Tài khoản 6112 "Mua hàng hoá" có nội dung phản ánh như sau:

Bên Nợ:

- Trị giá vốn thực tế hàng hóa nhập mua và nhập khác trong kỳ
- Trị giá vốn hàng hóa tồn đầu kỳ kết chuyển (tồn kho, tồn quầy, tồn gửi bán cho khách hàng, tồn đơn vị bán, đại lý ký gửi...)

Bên Có:

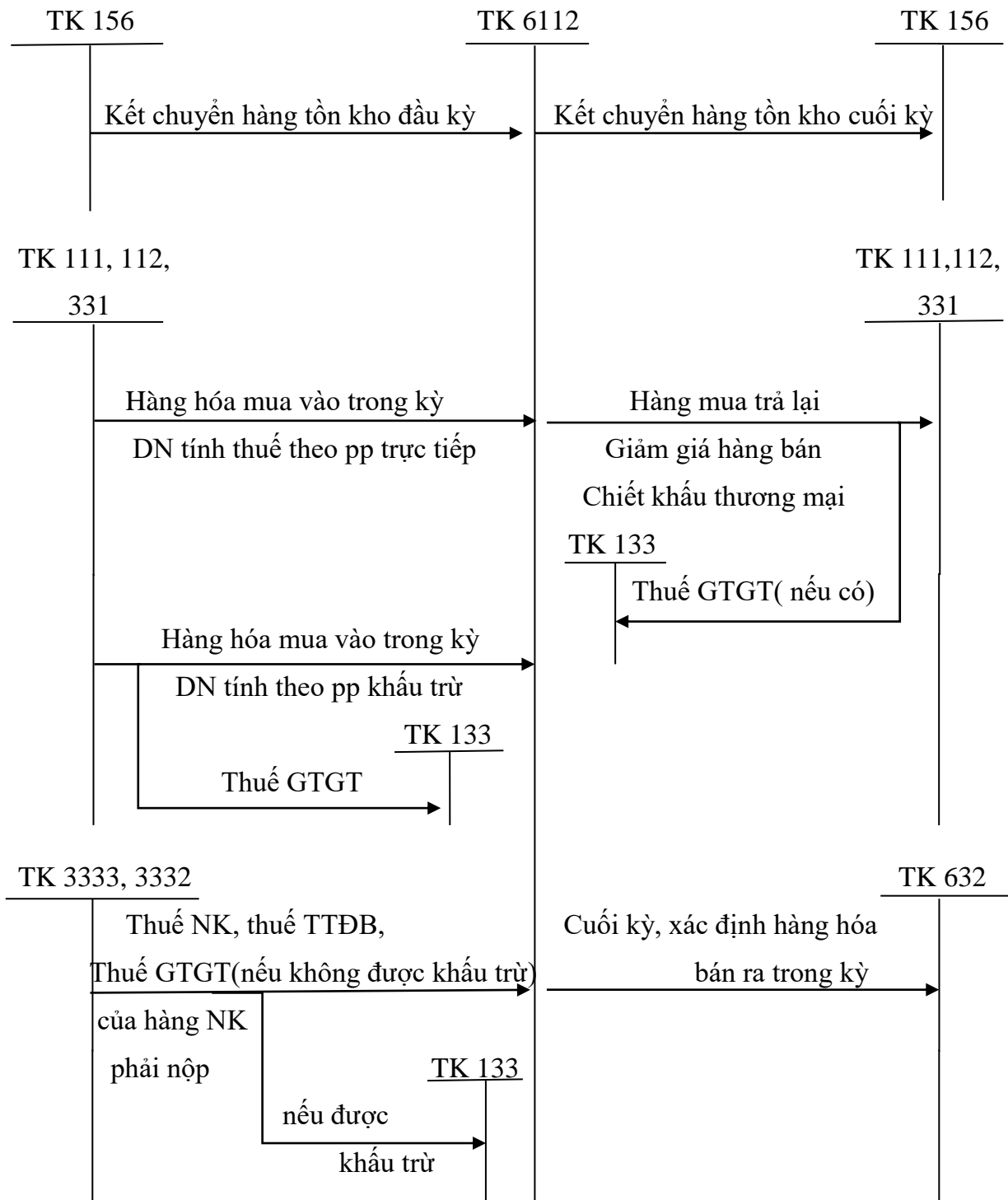
- Trị giá vốn của hàng hóa tồn cuối kỳ.

Khóa luận tốt nghiệp

- Giảm giá hàng hóa mua và chiết khấu thương mại được hưởng
- Trị giá vốn thực tế của số hàng hóa xuất bán trong kỳ.(Ghi ngày cuối kỳ theo kết quả kiểm kê).
- TK này cuối kỳ không có số dư

Khóa luận tốt nghiệp

❖ Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán hàng hóa theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.3. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Trong điều kiện kinh doanh theo cơ chế thị trường, để hạn chế rủi ro trong quá trình sản xuất kinh doanh và tôn trọng nguyên tắc "thận trọng" của kế toán, các doanh nghiệp cần thực hiện việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

+ Nội dung kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

- Dự phòng giảm giá là sự xác nhận về phương diện kế toán một khoản giảm giá trị tài sản do những nguyên nhân mà hậu quả của chúng không chắc chắn.

Theo quy định hiện hành của chế độ kế toán tài chính thì dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối niên độ kế toán trước khi lập báo cáo tài chính nhằm ghi nhận bộ phận giá trị thực tế giảm sút so với giá gốc (giá thực tế của hàng tồn kho) nhưng chưa chắc chắn. Qua đó, phản ánh được giá trị thực hiện thuần túy của hàng tồn kho trên báo cáo tài chính.

Giá trị thực hiện thuần túy = Giá gốc của - Dự phòng giảm giá của hàng tồn kho

- Dự phòng giảm giá được lập cho các loại nguyên vật liệu chính dùng cho sản xuất, các loại vật tư, hàng hoá, thành phẩm tồn kho để bán mà giá trên thị trường thấp hơn thực tế đang ghi sổ kế toán. Những loại vật tư hàng hoá này là mặt hàng kinh doanh, thuộc sở hữu của doanh nghiệp, có chứng cứ hợp lý, chứng minh giá vốn vật tư, hàng tồn kho. Công thức xác định mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Mức dự phòng cần lập = số lượng hàng tồn kho x mức giảm giá của năm tới cho hàng tồn kho cuối niên độ hàng tồn kho

Để phản ánh tình hình trích lập dự phòng và xử lý khoản tiền đã lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng tài khoản 159." Các khoản dự phòng".

* Nội dung: Dùng để phản ánh toàn bộ giá trị dự tính bị giảm sút so với giá gốc của hàng tồn kho nhằm ghi nợ các tài khoản lỗ hay phí tổn có thể phát sinh nhưng chưa chắc chắn, tài khoản 159 mở cho từng loại hàng tồn kho.

* Kết cấu TK 159.

Bên Nợ:

+ Hoàn nhập số dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn kỳ này phải lập nhỏ hơn số đã lập kỳ trước.

+ Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, xóa các khoản nợ phải thu khó đòi

+ giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bên Có:

+ Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (Số cần trích lập lần đầu và số chênh lệch giữa số dự phòng kỳ này phải lập lớn hơn số đã lập cuối kỳ trước).

+ Số dự phòng phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ

Số dư bên Có:

+ Số dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn hiện có đầu hoặc cuối kỳ.

+ Số dự phòng các khoản phải thu khó đòi hiện có đầu hoặc cuối kỳ

+ Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có đầu hoặc cuối kỳ.

Tài khoản 159 “ Các khoản dự phòng” có 3 tài khoản cấp 3 sau:

TK 1591 “Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn”

TK 1592 “Dự phòng các khoản phải thu khó đòi”

TK 1593 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”.

* Phương pháp kế toán vào tài khoản này như sau:

+ Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý), khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 1593: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

+ Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý) tiếp theo:

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn, ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK 1593: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn, ghi:

Nợ TK 1593: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

1.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- + Hình thức kế toán Nhật ký chung
- + Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- + Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ
- + Hình thức kế toán trên máy vi tính

Trong mỗi hình thức sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, kết cấu, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán. Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang bị kỹ thuật tính toán, lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp và tuân thủ theo đúng quy định của hình thức sổ kế toán đó, gồm: Các loại sổ và kết cấu các loại sổ, mối quan hệ đối chiếu kiểm tra, trình tự và phương pháp ghi chép các loại sổ kế toán.

1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung:

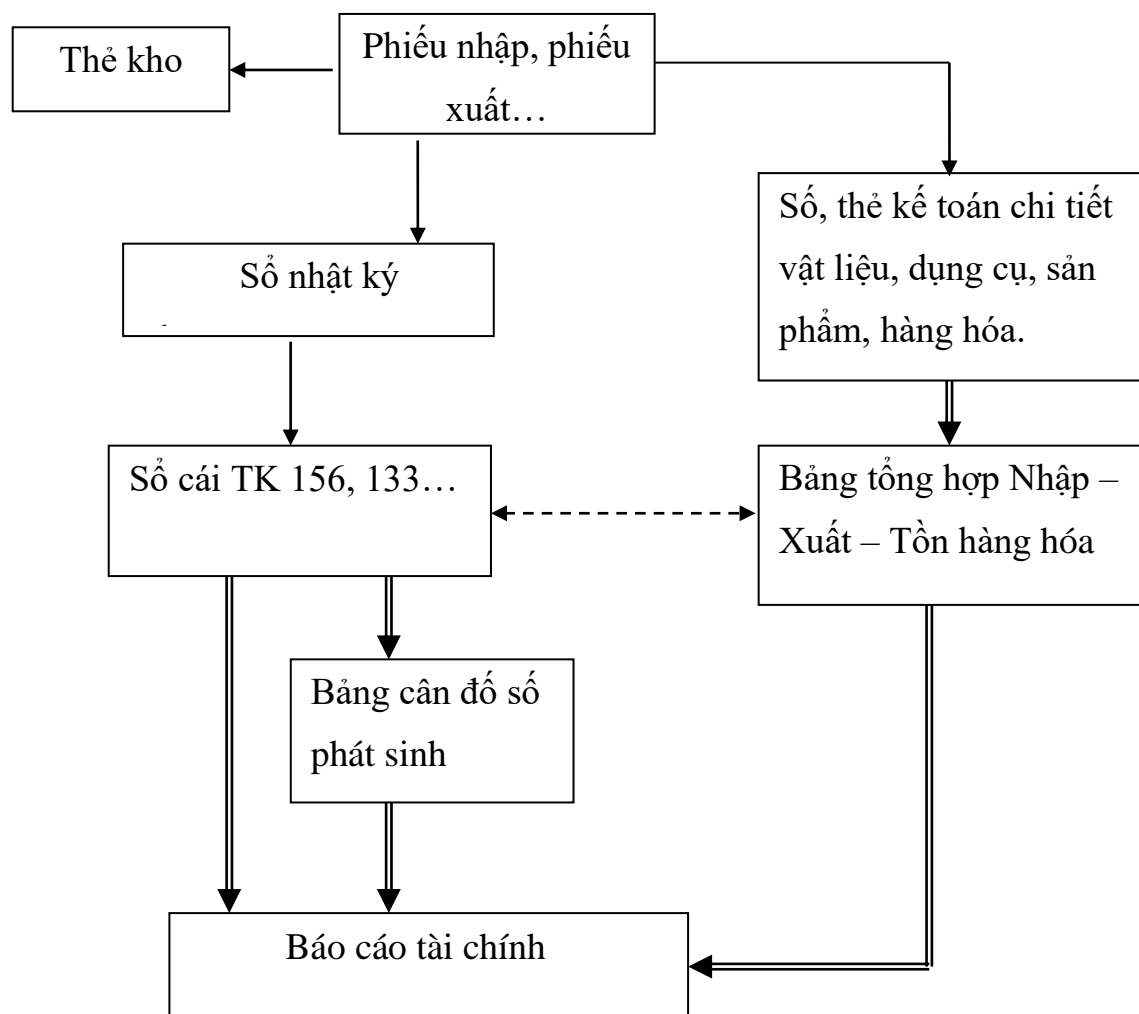
+ Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định

khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

+ Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

❖ Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←- - -> Đối chiếu hoặc kiểm tra cuối tháng

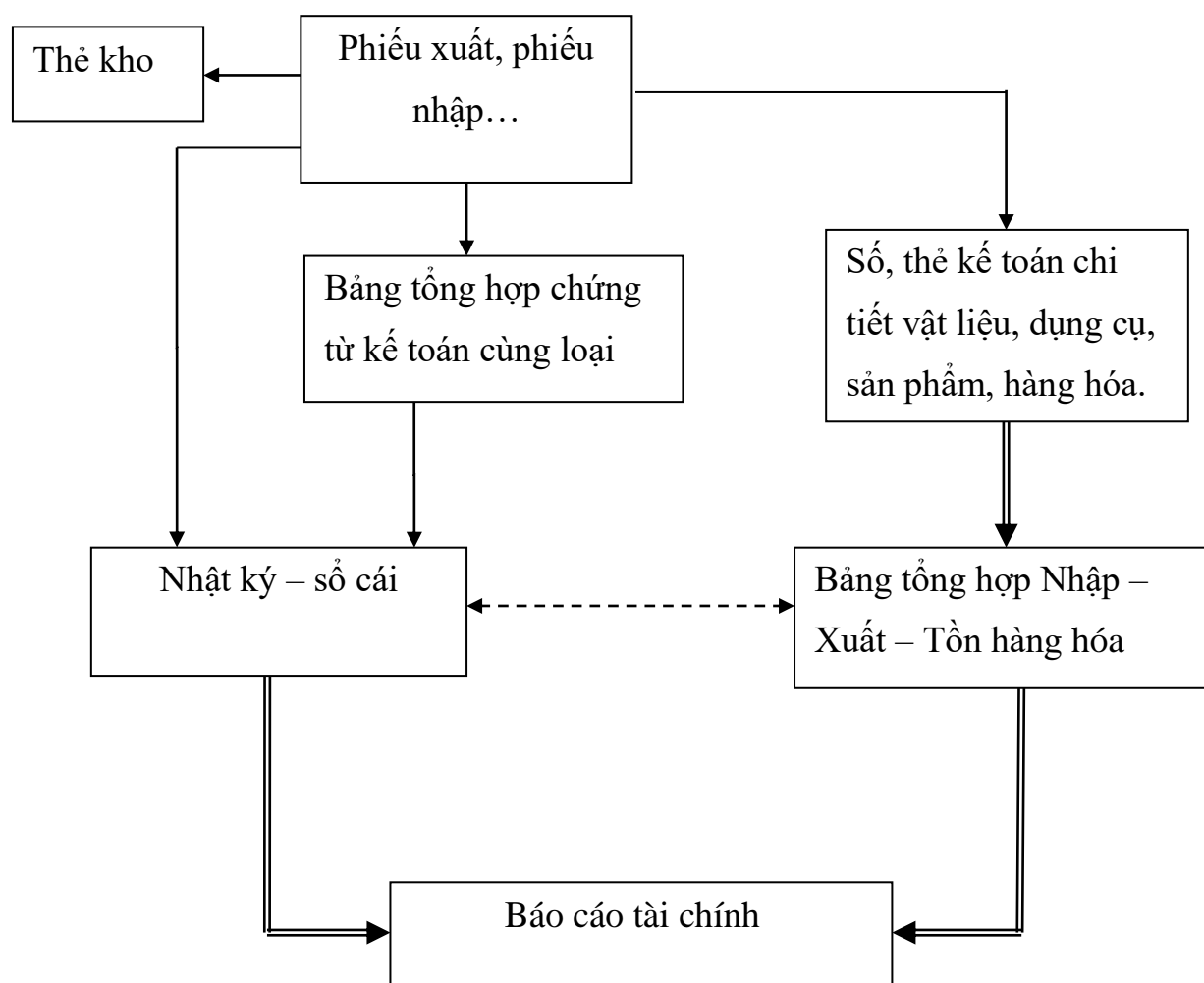
1.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.

+Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

+Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

❖Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←---→ Đối chiếu hoặc kiểm tra cuối tháng

1.4.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:

+ Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

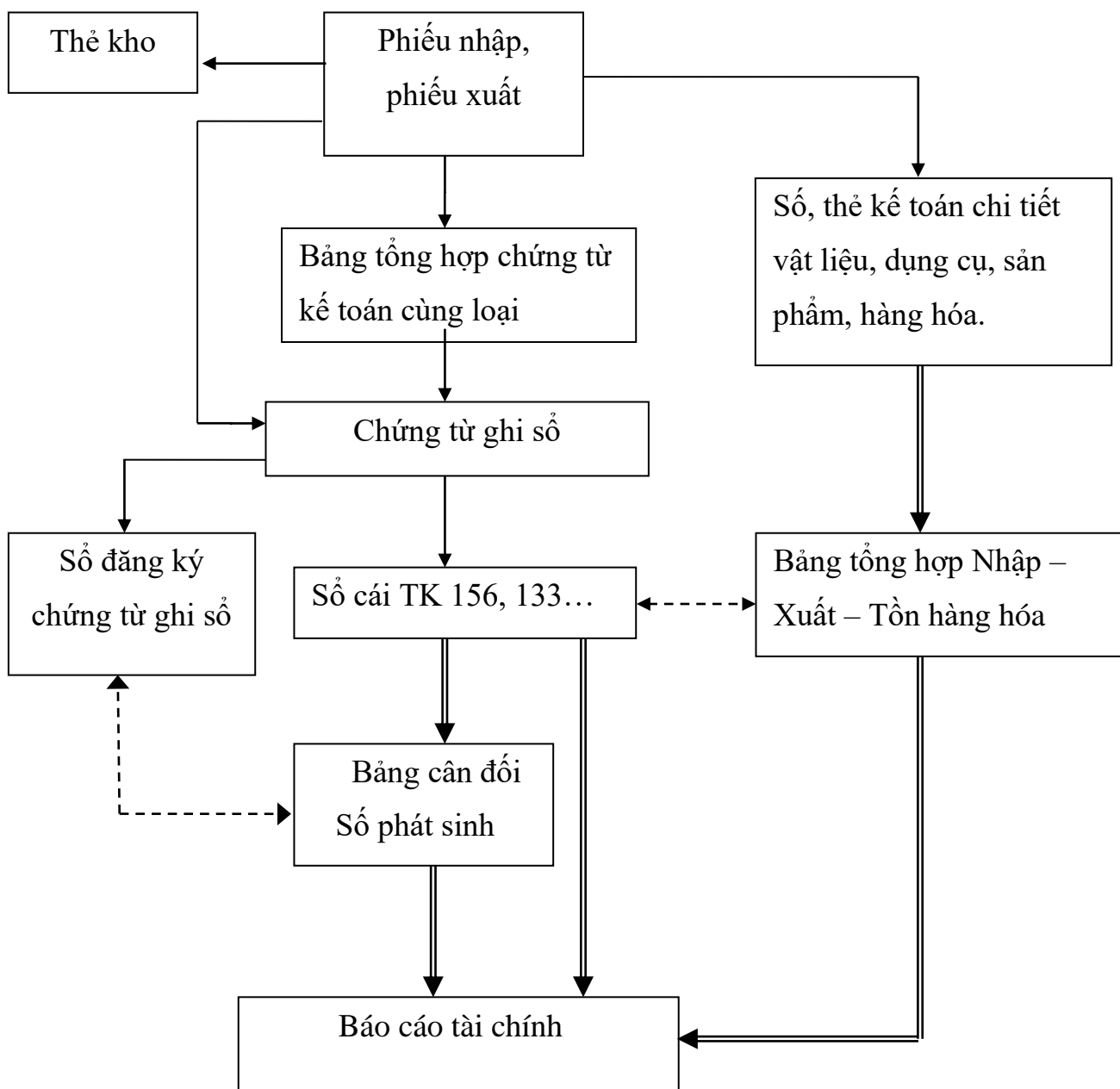
Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ.
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Sổ Cái.
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

❖ Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←- - - -> Đối chiếu hoặc kiểm tra cuối tháng

1.4.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính:

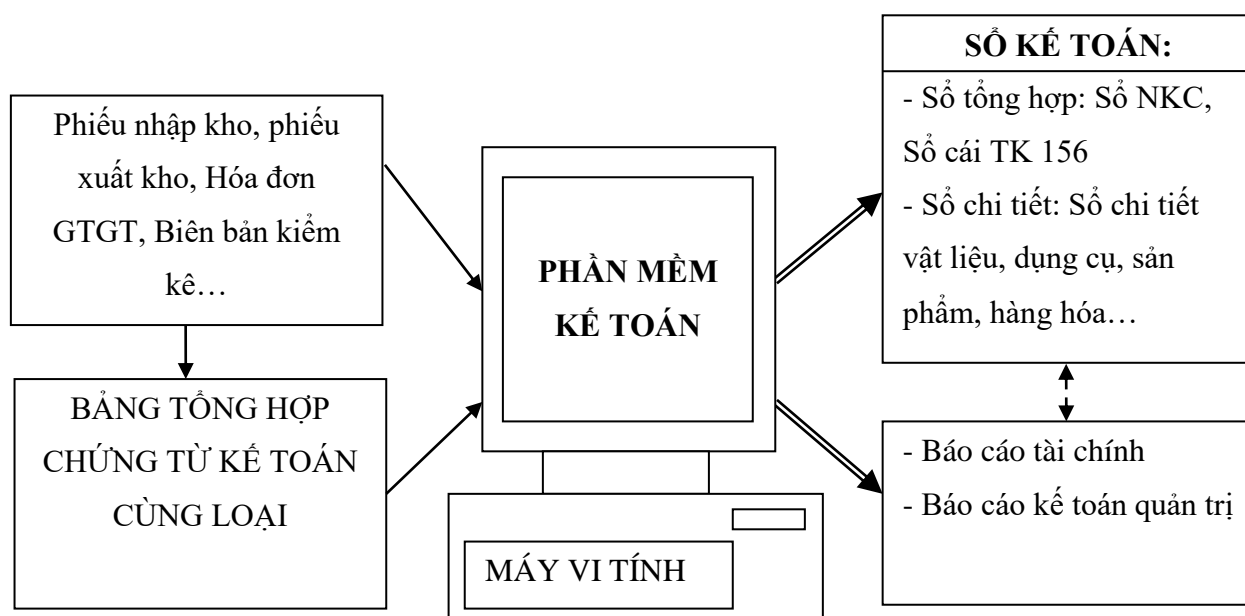
+ Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

+ Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

+ Trình tự ghi sổ:



Ghi chú

Nhập số liệu hàng ngày: \longrightarrow

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu kiểm tra: \longleftrightarrow

❖ **Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính**

CHƯƠNG II
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN BẢO AN

2.1. Khái quát chung về công ty Cổ phần Bảo An.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.

Tên công ty: Công ty Cổ phần Bảo An.

Địa điểm: Số 33 lô 06 khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 031.3668478

Công ty Cổ phần Bảo An được thành lập theo giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh ngày 01/02/2008 do ông Trần Như Định làm giám đốc.

Mã số thuế 0200787634

Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh Xi măng, Sắt thép...

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh.

a) Hình thức pháp lý:

Công ty Cổ phần Bảo An là một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ của mình và được pháp luật bảo vệ. Công ty có chức năng và nhiệm vụ sau:

-Xây dựng, tổ chức và thực hiện các mục tiêu kế hoạch do Nhà nước đề ra, sản xuất kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng ký, đúng mục đích thành lập doanh nghiệp.

-Tuân thủ chính sách, chế độ pháp luật của Nhà nước về quản lý quá trình thực hiện sản xuất và tuân thủ những quy định trong các hợp đồng kinh doanh với các bạn hàng trong và ngoài nước.

-Quản lý sử dụng vốn theo đúng quy định và đảm bảo có lãi.

-Thực hiện việc nghiên cứu phát triển nhằm nâng cao năng suất lao động cũng như thu nhập của người lao động, nâng cao sức cạnh tranh của công ty trên thị trường trong và ngoài nước.

-Chịu sự kiểm tra và thanh tra của các cơ quan Nhà nước, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

-Thực hiện những quy định của Nhà nước về bảo vệ quyền lợi của người lao động, vệ sinh và an toàn lao động, bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo phát triển bền vững, thực hiện đúng những tiêu chuẩn kỹ thuật mà công ty áp dụng cũng như quy định có liên quan đến hoạt động của công ty.

Để tăng tính chủ động trong hoạt động kinh doanh, công ty có các quyền hạn sau:

-Được chủ động đàm phán, ký kết và thực hiện hợp đồng sản xuất kinh doanh. Giám đốc công ty là người đại diện về quyền lợi, nghĩa vụ của công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

-Tham gia các hoạt động nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh như quảng cáo, triển lãm sản phẩm, mở các đại lý bán hàng.

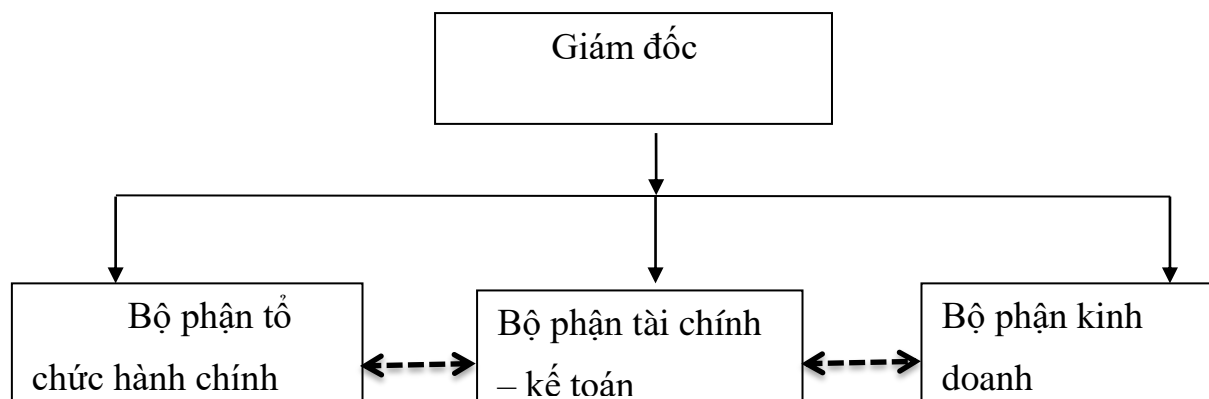
-Hoạt động theo chế độ hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng tại ngân hàng trong và ngoài nước.

b) Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh xi măng, sắt thép các loại...

2.1.3: *Tổ chức bộ máy quản lý:*

Tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh của Công ty đóng vai trò quan trọng trong việc sản xuất kinh doanh đảm bảo đạt hiệu quả cao. Đồng thời đảm bảo tình hình tài chính của Công ty được hoạt động bình thường. Nhận thức được tầm quan trọng đó, trong những năm qua Công ty đã kiện toàn lại bộ máy quản lý sắp xếp lại các bộ phận một cách khoa học.

+ Sơ đồ mô hình bộ máy quản lý của Công ty:



Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Bảo An

+ Giám đốc trực tiếp điều hành hoạt động của các phòng ban của công ty. Là người có quyết định cao nhất về quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

+Bộ phận tổ chức hành chính: thực hiện các công việc liên quan tới cơ cấu bộ máy tổ chức và quản lý cán bộ công nhân viên, là nơi tiếp nhận và chuyển giao công văn giấy tờ, quản lý hồ sơ lao động giải quyết các vấn đề về tiền lương và quyền lợi của người lao động theo quy định hiện hành của nhà nước về công ty

+Bộ phận Tài chính – Kế toán: Nhiệm vụ của phòng là thực hiện công tác về kế toán của công ty như điều hòa phân phối tổ chức sử dụng vốn và nguồn vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh dưới hình thức chỉ tiêu đầu ra và đầu vào, phân phối

+Bộ phận kinh doanh: Xây dựng và thi hành kế hoạch kinh doanh.

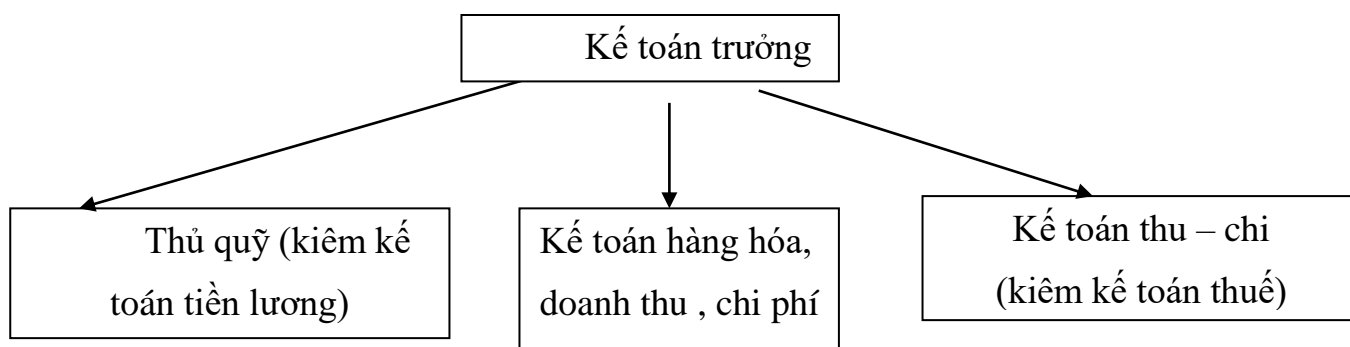
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Bảo An.

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán của doanh nghiệp được tổ chức theo mô hình tập trung. Các nghiệp vụ kế toán chính phát sinh được tập trung ở phòng kế toán của doanh nghiệp. Tại đây thực hiện việc tổ chức hướng dẫn và kiểm tra thực hiện toàn bộ phương pháp thu thập xử lý thông tin ban đầu, thực hiện đầy đủ công việc ghi chép

ban đầu, chế độ hạch toán và chế độ quản lý tài chính theo đúng quy định của Bộ Tài chính, cung cấp một cách đầy đủ chính xác kịp thời những thông tin toàn cảnh về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Từ đó tham mưu cho Giám đốc đề ra biện pháp, các quy định phù hợp với chiến lược phát triển của công ty.

+ Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của doanh nghiệp:



Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Bảo An

*) Kế toán trưởng: với chức năng quản lý chỉ đạo phụ trách chung mọi hoạt động, các nghiệp vụ hạch toán của công ty, phân tích mọi hoạt động kinh tế, phân công chỉ đạo trực tiếp các nhân viên trong phòng. Kiểm tra và ký duyệt chứng từ, lập báo cáo, báo cáo các đơn vị cấp trên, làm báo cáo tài chính của toàn công ty. Chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty và cơ quan pháp luật Nhà nước về toàn bộ công việc của mình.

*) Kế toán tiền lương (kiêm thủ quỹ):

+) Kế toán tiền lương: Tổ chức ghi chép, phản ánh, tổng hợp số liệu về số lượng lao động, thời gian kết quả lao động, tính lương, phân bổ chi phí nhân công theo đúng đối tượng sử dụng lao động. Theo dõi tình hình thanh toán tiền lương, tiền thưởng, các khoản trợ cấp, phụ cấp cho người lao động. Lập các báo cáo về lao động, tiền lương như Bảng tính lương tháng, Bảng tổng hợp chi trả lương phục vụ cho công tác quản lý của Nhà nước và của doanh nghiệp.

+) Thủ quỹ: Có nhiệm vụ phản ánh thu chi tiền mặt hàng ngày, hàng tháng. Thường xuyên đối chiếu với kế toán thu chi tiền mặt, đối chiếu tiền mặt thực tế với sổ sách, phát hiện sai sót trong việc sử dụng tiền mặt và báo cáo lãnh đạo để giải quyết kịp thời. Chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về công việc đảm trách.

*) Kế toán thu chi(kiểm kế toán thuế):

+) Kế toán thu chi: thu nhận các chứng từ thanh toán trong ngày, đồng thời theo dõi tính lương cho các cán bộ quản lý văn phòng, theo dõi doanh thu của công ty. Theo dõi TK TGNH các khoản vay ngân hàng.

+) Kế toán thuế: Trực tiếp làm việc với cơ quan thuế khi có phát sinh. Kiểm tra đối chiếu hóa đơn GTGT với bảng kê thuế đầu vào, đầu ra. Lập báo cáo tổng hợp thuế theo định kỳ

*) Kế toán hàng hóa, doanh thu , chi phí: Theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn của hàng hóa. Theo dõi chi phí hoạt động của công ty, tình hình lãi lỗ.

=> Giữa các phần hành kế toán có sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ, đảm bảo tính thống nhất về phương pháp tính toán và ghi chép từ đó tạo điều kiện cho việc kiểm tra, đối chiếu được dễ dàng, phát hiện nhanh chóng các sai sót để kịp thời sửa chữa.

2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp:

- Niên độ kế toán của công ty là 1 năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

- Hình thức kế toán công ty áp dụng: Hình thức kế toán Nhật ký chung.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: sử dụng Đồng Việt Nam để ghi chép và lập báo cáo tài chính của công ty.

- Đơn vị tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Ghi nhận và tính khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng.

- Đối với hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Tính giá trị hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản tại Công ty:

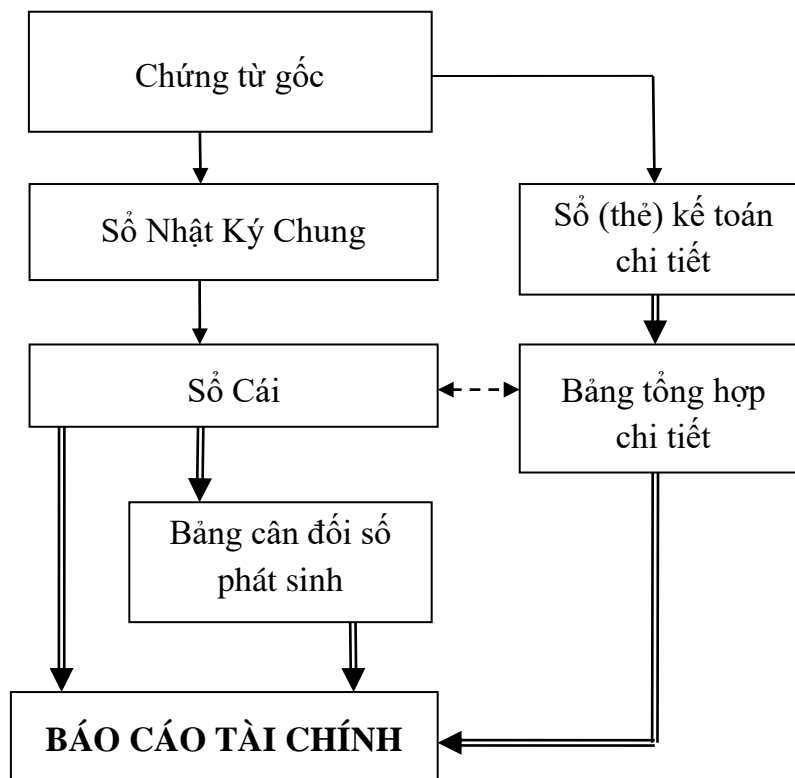
Áp dụng hệ thống chứng từ ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ/BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Áp dụng theo bảng hệ thống tài khoản kế toán theo quyết định số 48/2006 ngày 14 tháng 09 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

2.1.4.4. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán

Công ty áp dụng hệ thống sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung, rất thuận tiện phù hợp với quy mô của công ty, đảm bảo việc thông tin nhanh, chính xác, kịp thời. Hệ thống tài khoản và sổ sách kế toán được lập theo quy định, phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp gồm có: Nhật ký chung; Sổ cái; Các sổ thẻ kế toán chi tiết liên quan,....

Sơ đồ 2.3: Quy trình hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty Cổ Phần Bảo An.



Ghi chú

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu kiểm tra: \longleftrightarrow

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra dùng đó làm căn cứ ghi sổ: trước hết ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung; đồng thời từ chứng từ gốc kế toán ghi vào các sổ chi tiết tài khoản; sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết tài khoản kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết. Kế toán đối chiếu số liệu trên bảng tổng hợp chi tiết với số liệu trên sổ cái để kiểm tra sự chính xác của số liệu, sau đó dựa vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi kiểm tra, đối chiếu khớp đúng với số liệu đã ghi, kế toán căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán

Hệ thống báo cáo tài chính của công ty gồm:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu: B01 – DNN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu: B02 – DNN)
- Bảng lưu chuyển tiền tệ (Mẫu: B03 – DNN)
- Bảng cân đối số phát sinh (Mẫu: F01 – DNN)
- Thuyết minh Báo cáo tài chính (Mẫu: B09 – DNN)
- Các Báo cáo quản trị của công ty

2.2. Thực trạng công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bảo An

2.2.1. Kế toán chi tiết hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bảo An

2.2.1.1. Thủ tục nhập xuất

+Thủ tục nhập kho hàng hoá:

Căn cứ vào tình hình kinh doanh thực tế, lượng hàng dự trữ trong kho và đơn đặt hàng của các khách hàng, phòng kinh doanh sẽ lập kế hoạch mua hàng. Khi đã tham khảo bảng báo giá hợp lý, phòng kinh doanh trình kế hoạch mua hàng lên Giám đốc xét duyệt. Nhân viên phòng kinh doanh đi mua hàng, có trách nhiệm nhận hàng đầy đủ và mang hóa đơn GTGT, Biên bản giao nhận hàng hóa về công ty. Hàng hóa được vận chuyển về kho của công ty (công ty tự vận chuyển hoặc thuê ngoài)

Tại kho : kiểm tra chất lượng, số lượng hàng hóa và tiến hành nhập kho. Sau khi kiểm tra về tính hợp lý, hợp pháp của hóa đơn GTGT của hàng mua về, kiểm tra số lượng cùng loại, quy cách hàng hóa. Phiếu nhập kho được lập thành 2 liên, 1 liên lưu lại cuống thủ kho giữ, sử dụng để ghi vào thẻ kho, 1 liên phòng kế toán sử dụng ghi chép vào sổ sách kế toán.

Cách tính giá hàng hóa nhập kho:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thực} & & \text{Giá mua} & & \text{Chi phí vận} & & \text{Các khoản} \\ \text{tế nhập} & = & \text{ghi trên} & + & \text{chuyên, bốc} & - & \text{giảm trừ} \\ \text{kho} & & \text{hóa đơn} & & \text{dỡ} & & \end{array}$$

Công ty áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Tại công ty chi phí vận chuyển bốc xếp do bên bán chịu thì giá thực tế nhập kho chính là giá mua ghi trên hóa đơn.

+Thủ tục xuất kho hàng hoá:

Công ty Cổ phần Bảo An là công ty thương mại, nên mọi hàng hóa xuất kho đều phục vụ cho việc kinh doanh, buôn bán.

Khi có khách mua hàng, phòng kinh doanh nhận đơn hàng và chuyển cho kế toán kho. Kế toán kho kiểm tra xem hàng hóa có đủ không và tiến hành lập Phiếu xuất kho.

Phiếu xuất kho do thủ kho lập được lập thành 2 liên:

- Liên 1: Lưu tại cuống thủ kho giữ sử dụng để ghi thẻ kho
- Liên 2: Lưu tại phòng kế toán

Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho để tiến hành xuất kho hàng hoá. Kế toán căn cứ vào Phiếu xuất kho lập hoá đơn GTGT (Giám đốc ký duyệt) và lập biên bản giao nhận hàng hoá.

* Cách tính giá hàng xuất kho

Hiện nay tại Công ty đang áp dụng phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn để tính giá hàng hóa xuất kho. Hàng hóa xuất kho được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân sau lần} \\ \text{nhập j} \end{array} = \frac{\text{Trị giá HH tồn trước lần nhập j} + \text{Trị giá HH nhập lần j}}{\text{Số lượng HH tồn trước lần nhập j} + \text{Số lượng HH nhập lần j}}$$

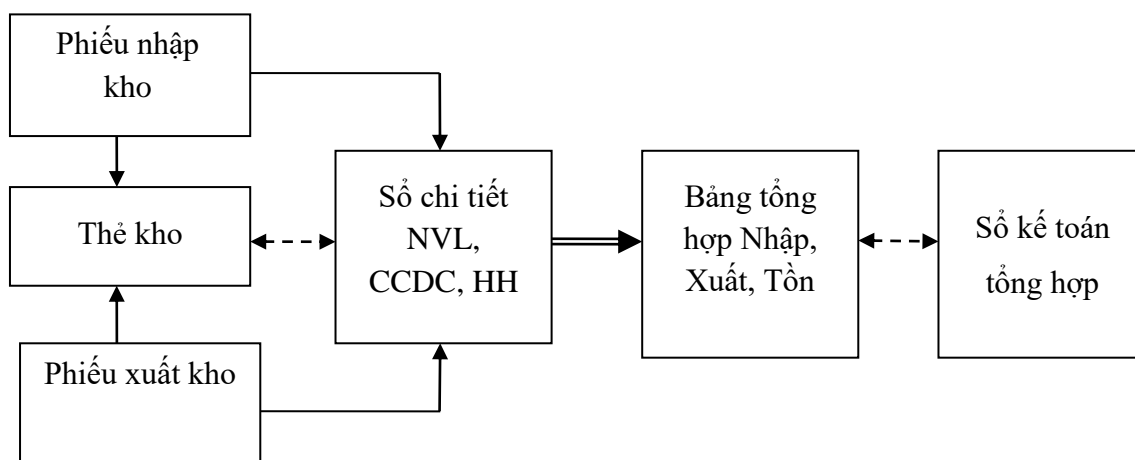
$$\text{Trị giá HH xuất} = \text{Đơn giá bình quân} * \text{Số lượng xuất kho}$$

2.2.1.2 Kế toán chi tiết hàng hóa tại công ty Cổ phần Bảo An

Là công ty thương mại chuyên kinh doanh về vật liệu xây dựng nên công ty Cổ phần Bảo An luôn theo dõi kỹ càng tình hình biến động của hàng hóa trong ngành xây dựng.

Công ty đã sử dụng phương pháp thẻ song song để hạch toán chi tiết hàng tồn kho

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp thẻ song song tại Công ty cổ phần Bảo An.



Ghi chú:

Ghi cuối ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Do đó việc hạch toán chi tiết hàng tồn kho được tiến hành đồng thời tại 2 bộ phận: kế toán và tại kho.

Tại kho: Thủ kho dựa vào phiếu nhập, xuất và các chứng từ khác để mở thẻ kho và ghi theo số lượng. Mỗi loại hàng hóa theo dõi ở một thẻ kho riêng để tiện trong việc ghi chép, kiểm tra. Khi nhận các chứng từ nhập xuất hàng hóa thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ rồi tiến hành ghi chép số thực nhập, thực xuất vào chứng từ thẻ kho, cuối ngày tính ra số tồn kho ghi vào thẻ kho. Định kỳ từ 3 – 5 ngày thủ kho gửi các chứng từ nhập, xuất được phân loại theo từng thứ hàng hóa cho phòng kế toán kiểm tra, kế toán ký xác nhận vào thẻ kho.

Khóa luận tốt nghiệp

- Tại phòng kế toán: Kế toán hàng hóa mở sổ kế toán chi tiết hàng hóa cho từng hàng hóa tương ứng với thẻ kho mở ở kho. Sổ này có nội dung tương tự thẻ kho, chỉ khác là theo dõi cả về mặt giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ, khi nhận được các chứng từ nhập xuất kho, nhân viên kế toán hàng hóa phải kiểm tra, đối chiếu và ghi đơn giá hạch toán vào sổ kế toán chi tiết và tính ra số tiền. Sau đó lần lượt ghi các nghiệp vụ nhập xuất vào các sổ kế toán chi tiết hàng hóa có liên quan. Cuối tháng tiến hành cộng sổ và đối chiếu với thẻ kho. Để thực hiện đối chiếu giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, kế toán phải căn cứ vào các sổ kế toán chi tiết để lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn hàng hóa về mặt giá trị của từng loại hàng hóa. Số liệu của bảng này được đối chiếu với số liệu của kế toán tổng hợp.

- **Ví dụ 1:** Ngày 23/08/2015 mua xi măng của công ty xi măng Chinfon thanh toán bằng chuyển khoản số tiền 290.250.000 đồng. (Bao gồm VAT 10%).

Định khoản:

Nợ 156: 263.863.636

Nợ 133: 26.386.364

Có 112: 290.250.000

Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0066015 (Biểu số 2.1), Biên bản giao nhận hàng hóa (Biểu số 2.2) và số lượng thực tế, kế toán tiến hành lập phiếu nhập kho (biểu số 2.3)

- Khi nhận được phiếu nhập kho thủ kho lập thẻ kho (biểu số 2.13) đồng thời kế toán ghi sổ chi tiết hàng hoá tương ứng (biểu số 2.14).

- Cuối kỳ, căn cứ sổ chi tiết hàng hoá, kế toán lập Bảng tổng hợp nhập- xuất- tồn hàng hoá (biểu số 2.15)

Ví dụ 2: Ngày 05/08/2015 Công ty mua thép cây D10 của Công ty TNHH Nam Hương. Chưa thanh toán cho nhà cung cấp số tiền 262.487.500VND (bao gồm VAT 10%)

Định khoản:

Nợ 156: 238.625.000

Nợ 133: 23.862.500

Có 331: 262.487.500

Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0000467 (Biểu số 2.4), Biên bản giao nhận

SV: Nguyễn Thị Ngọc Hương – QTL901K


hàng hóa (Biểu số 2.5) và số lượng thực tế, kế toán tiến hành lập phiếu nhập kho (biểu số 2.6)

- Khi nhận được phiếu nhập kho thủ kho lập thẻ kho (biểu số 2.13) đồng thời kế toán ghi sổ chi tiết hàng hoá tương ứng (biểu số 2.14).

- Cuối kỳ, căn cứ sổ chi tiết hàng hoá, kế toán lập Bảng tổng hợp nhập- xuất- tồn hàng hoá (biểu số 2.15)

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.1: (Trích Hóa đơn GTGT mua xi măng)



XI MĂNG CHINFON
CÔNG TY
XI MĂNG
CHINFON

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao cho người mua

Ngày 23 tháng 08 năm 2015.

Mẫu số: 01GTKT2/001
Ký hiệu: AB/14P
Số: **0066015**
0066015

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY XI MĂNG CHINFON

Mã số thuế: **0200110200**

Địa chỉ: Thôn Trảng Kênh - Thị trấn Minh Đức - Huyện Thủy Nguyên - Thành phố Hải Phòng
ĐT: 031 3875480; Fax: 031 3875479

Họ, tên người mua hàng: Mã số thuế: 0200787634.....
 Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO AN..... Số tài khoản:
 Địa chỉ: Số 33 Lô 06 Khu 97 Bạch Đằng Hạ Lý Hồng Bàng Hải Phòng.....
 Hình thức thanh toán: CK/DT/TT..... Nơi giao hàng: Giao Thủy Nam Đ.....

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=(4*5)
1	Xi măng bao PCB30 DOHP-150817023	Tấn	225,000	1.172.727	263.863.636
Tổng cộng			Tấn	225,000	
Cộng tiền hàng:					263.863.636
Thuế suất GTGT:		10%	Tiền thuế GTGT:		26.386.364
Tổng cộng tiền thanh toán:					290.250.000

Tổng số tiền viết bằng chữ: Hai trăm chín mươi triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng chẵn

Người mua hàng
(Ký, họ tên)
Trần Văn Mạnh

Người bán hàng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ, họ tên)
Lê Thị Năm

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
In tại công ty TNHH MTV in Tài chính - ĐT: 04.38362581 - MST: 0100111225

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HOÁ

Hôm nay, ngày 23 tháng 08 năm 2015

Chúng tôi gồm:

Bên A (Bên nhận hàng): Công ty Cổ phần Bảo An

- Địa chỉ: Số 33 lô 06 khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

- Điện thoại:

Fax:

- Đại diện: Trần Văn Bắc Chức vụ: Nhân viên phòng kinh doanh

Bên B(Bên giao hàng) Công ty xi măng chinfon

- Địa chỉ: Thôn Tràng Kênh – Thị Trấn Minh Đức – H. Thủy Nguyên – TP
Hải Phòng

- Điện thoại: 031.3875480

Fax:

- Đại diện:

Ông: Lê Thị Sâm

Chức vụ: Trưởng cơ sở

Hai bên cùng nhau thống nhất số lượng hàng hoá bàn giao như sau:

TT	TÊN LOẠI HÀNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG
1	Xi măng bao PCB30DOH - 150817023	Tấn	225

Kèm theo chứng từ:

1. Hoá đơn giá trị gia tăng

2. Chứng chỉ xuất xưởng

Chất lượng hàng hoá:

Hàng hoá mới 100%.

Biên bản kết thúc vào hồi 17h cùng ngày. Hai bên đều thống nhất ký tên.

Biên bản được thành lập thành 4 bản, mỗi bên giữ 2 bản có giá trị pháp lý
như sau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Biểu số 2.2. Biên bản giao nhận hàng hoá

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.3: (Trích phiếu nhập kho xi măng)

Đơn vị: Công ty Cổ phần Bảo An

Địa chỉ: Số 33 lô 06 khu 97 Bạch Đằng- Hạ Lý- HB- HP

Mẫu số: 01 – VT

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 23 tháng 08 năm 2015

Số: 146

Nợ: 156

Có: 112

- Họ và tên người giao: Lê Thị Sâm - Công ty xi măng Chinfon
- Theo HDGTGT số 0066015 ngày 23 tháng 08 năm 2015
- Nhập tại kho: hàng hóa

STT	Tên hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
01	Xi măng bao PCB30 DOHP- 150817023		Tấn	225	225	1.172.727	263.863.636
	Cộng			225	225		263.863.636

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm sáu mươi ba triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng.
- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 23 tháng 08 năm 2015

Người lập phiếu

(ký, họ tên)

Người giao hàng

(ký, họ tên)

Thủ kho

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

SV: Nguyễn Thị Ngọc Hương – QTL901K

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.4: (Trích Hóa đơn GTGT mua thép)

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/15P		
Liên 2: Giao người mua			Số: 0000467		
<i>Ngày 05 tháng 08 năm 2015</i>					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Nam Hương					
Mã số thuế: 5701341247					
Địa chỉ: Khu Yên Hợp, xã Yên Thọ, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh					
Số tài khoản: 44210000101269 tại Ngân hàng ĐT&PT Tây Nam Quảng Ninh					
Điện thoại: 033.387 1950					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần bảo An					
Địa chỉ: Số 33 lô 06 khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam					
Hình thức thanh toán: CK			MST: 0200787634		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	B	C	1	2	3=1x2
1,	Thép cây D10	Kg	25.000	9.545	238.625.000
Cộng tiền hàng:					238.625.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		23.862.500
Tổng cộng tiền thanh toán:					262.487.500
Số tiền viết bằng chữ: <i>Hai trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng.</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)	
<i>(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HOÁ

Hôm nay, ngày 05 tháng 08 năm 2015

Chúng tôi gồm:

Bên A (Bên nhận hàng): Công ty Cổ phần Bảo An

- Địa chỉ: Số 33 lô 06 khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

- Điện thoại:

Fax:

- Đại diện: Trần Văn Bắc Chức vụ: Nhân viên phòng kinh doanh

Bên B(Bên giao hàng) Công ty TNHH Nam Hương

- Địa chỉ: Khu Yên Hợp, Xã Yên Thọ, Huyện Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh

- Điện thoại: 031.3875480

Fax:

- Đại diện:

Ông: Nguyễn Thị Nga Chức vụ: Nhân viên kinh doanh

Hai bên cùng nhau thống nhất số lượng hàng hoá bàn giao như sau:

TT	TÊN LOẠI HÀNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG
1	Thep Cây D10	Kg	25.000

Kèm theo chứng từ:

3. Hoá đơn giá trị gia tăng

4. Chứng chỉ xuất xưởng

Chất lượng hàng hoá:

Hàng hoá mới 100%.

Biên bản kết thúc vào hồi 17h cùng ngày. Hai bên đều thống nhất ký tên.

Biên bản được thành lập thành 4 bản, mỗi bên giữ 2 bản có giá trị pháp lý như sau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Biểu số 2.5. Biên bản giao nhận hàng hoá

Đơn vị: Công ty Cổ phần Bảo An
Địa chỉ: Số 33 lô 06 khu 97 Bạch Đằng- Hạ Lý- HB- HP

Mẫu số: 01 – VT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 05 tháng 08 năm 2015
Số: 112

Nợ: 156
Có: 331

- Họ và tên người giao: Trần Văn Bắc - Công ty TNHH Nam Hương
- Theo HĐGTGT số 0000467 ngày 05 tháng 08 năm 2015
- Nhập tại kho: hàng hóa

STT	Tên hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
01	Thép cây D10		Kg	25.000	25.000	9.545	238.625.000
	Cộng			25.000	25.000		238.625.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm ba mươi tám triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng
- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 05 tháng 08 năm 2015

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Người giao hàng
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.6: (Trích phiếu nhập kho Thép)

Ví dụ 3: Ngày 24/08/2015, xuất 15 tấn xi măng PCB 30 DOHP- 150624007 cho công ty Cổ phần xây dựng 219, Hóa đơn GTGT số 0000986. Khách hàng chưa thanh toán.

Công ty cổ phần Bảo An tính giá hàng hóa xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn. Như vậy trị giá của hàng hóa xuất kho trong ví dụ trên được tính vào như sau:

- Tồn đầu kỳ (1/08) : 170 tấn xi măng, đơn giá 1.069.660 đồng/tấn

Trị giá tồn kho đầu kỳ = $170 * 1.069.660 = 181.842.200$ đồng

- Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ:

+ ngày 12/08 : Nhập kho 175 tấn xi măng, đơn giá 1.172.727 đồng/tấn.

Trị giá nhập kho ngày 12/08 = $175 * 1.172.727 = 205.227.225$ đồng

+ ngày 15/08: Xuất kho 110 tấn xi măng bán cho công ty Hải Thành

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình quân} &= \frac{181.842.200 + 205.227.225}{170 + 175} \\ \text{xi măng xuất ngày} & \\ \text{15/08} & \\ &= 1.121.940 \text{ đồng/tấn} \end{aligned}$$

Trị giá 15 tấn xi măng xuất kho = $110 \text{ tấn} * 1.121.940 = 123.413.400$ đồng

Trị giá tồn sau lần xuất ngày 15/08 = $181.842.200 + 205.227.225 - 123.413.400$
= 263.656.025 đồng

+ Sáng ngày 22/08: Nhập kho 200.95 tấn xi măng, đơn giá 1.172.727 đồng/ tấn.

Trị giá nhập kho ngày 22/08 = $200.95 \text{ tấn} * 1.172.727 = 235.659.491$ đồng

+ Chiều ngày 22/08: Xuất 400 tấn xi măng cho công ty Hoàng Lộc

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình} &= \frac{263.656.025 + 235.659.491}{(170 + 175 - 110) + 200.95} \\ \text{quân xi măng} & \\ \text{đến ngày} & \\ \text{22/08} & \\ &= 1.145.350 \text{ đồng/ tấn} \end{aligned}$$

Trị giá 400 tấn xi măng xuất kho = $400 \text{ tấn} * 1.145.350 = 458.140.000$ đồng

Trị giá tồn sau lần xuất ngày 22/08 = $263.656.025 + 235.659.491 - 458.140.000$
= 41.175.516 đồng

+ Ngày 23/08: Nhập kho 225 tấn xi măng, đơn giá 1.172.727 đồng/ tấn.

Trị giá nhập kho ngày 23/08 = $225 \text{ tấn} * 1.172.727 = 263.863.636$ đồng

+ Ngày 24/08: Xuất 15 tấn xi măng cho công ty XD 219

Đơn giá bình quân xi măng đến ngày 24/08 = $\frac{41.175.516 + 263.863.636}{(235 + 200.95 - 400) + 225}$
= 1.168.956 đồng/ tấn

Trị giá 15 tấn xi măng xuất kho = $15 \text{ tấn} * 1.168.956 = 17.534.340$ đồng

Biểu số 2.7: (Trích Phiếu xuất kho)

Đơn vị: Công ty Cổ phần Bảo An
Địa chỉ: Số 33 lô 06 khu 97 Bạch Đằng- Hạ Lý- HB- HP

Mẫu số: 02 – VT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 24 tháng 08 năm 2015

Số: 158

Nợ : 632
Có : 156

- Họ và tên người nhận hàng : Lê Văn Huỳnh- Phòng kinh doanh
- Lý do xuất kho: Xuất bán cho công ty cổ phần 219
- Xuất tại kho (ngăn lô): hàng hóa

STT	Tên hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Ximăng PCB30 DOHP- 150817023		Tấn	15	15	1.168.956	17.534.340
	Cộng			15	15		17.534.340

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười bảy triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng.
- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 24 tháng 08 năm 2015

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Người nhận hàng
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Khóa luận tốt nghiệp

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ Ngày 24 tháng 08 năm 2015		Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/15P Số: 0000986			
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Bảo An Mã số thuế: 0200787634 Địa chỉ: Số 33 lô 06 khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành Phố Hải Phòng, VN Số tài khoản: Điện thoại:					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần 219 Địa chỉ: Số 26 Phan Bá Vành- Quang Trung- TB Hình thức thanh toán: CK MST: 5701341247					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	B	C	1	2	3=1x2
1,	Xi măng PCB30 DOHP-15081723	Tấn	15	1.370.000	20.550.000
Cộng tiền hàng:					20.550.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		2.055.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					22.605.00
Số tiền viết bằng chữ: <i>Hai mươi hai triệu sáu trăm linh năm nghìn đồng.</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)	
<i>(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

Biểu số 2.8 Trích HĐGTGT

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.9: (Trích thẻ kho ximang bao PCB30 DOHP- 150817023 tháng 08 năm 2015)

Đơn vị: Công ty Cổ phần Bảo An

Địa chỉ: Số 33 lô 06 khu 97 Bạch Đằng- Hạ Lý- HB- HP

Mẫu số S09 – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO (SỔ KHO)

Ngày lập thẻ: 01/01/2015

-Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư: ximang bao PCB30 DOHP- 150317023

-Đơn vị tính: Tấn

STT	Ngày, tháng	SHCT		Diễn giải	Ngày N,X	Số lượng			Ký xác nhận
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
	B	C	D	E	F	1	2	3	G
				<u>Tồn đầu tháng 8</u>				<u>170</u>	
	12/08	144		Nhập ximăng bao PCB30 DOHP -150817023	12/08	175			
	15/08		152	Bán ximang cho cty Hải Thành	15/08		110		
	22/08	145	155	Nhập xi măng bao PCB30 DOHP- 150817023	22/08	200,95			
	22/08		156	Bán ximang cho cty Hoàng Lộc	22/08		400		
	23/08	146		Nhập ximăng bao PCB30 DOHP- 150817023	23/08	225			
	24/08		158	Xuất cho cty XD 219	24/08		15		
....
				Cộng Phát sinh tháng 8		850.95	925		
				Dư cuối tháng 8				<u>95.95</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.10 : (Trích sổ chi tiết hàng hóa tháng 08 năm 2015)

Đơn vị: Công ty Cổ phần Bảo An

Địa chỉ: Số 33 lô 06 khu 97 Bạch Đằng- Hạ Lý- HB- HP

Mẫu số S07 – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Năm 2015

Tên tài khoản: hàng hóa. Tên kho: hàng hóa

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): ximăng bao PCB30 DOHP- 150817023. Đơn vị
tính: tấn

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	
		Số dư đầu tháng 8		1.069.660					170	181.842.200	
PN144	12/08	Nhập ximăng bao PCB30 DOHP-150817023	331	1.172.727	175	205.227.225			345	387.069.425	
PX152	15/08	Bán ximăng cho cty Hải Thành	632	1.121.940			110	123.413.400	235	263.656.025	
PN145	22/08	Nhập ximăng bao PCB30 DOHP-150317023	112	1.172.727	200.95	235.659.491			435,95	499.315.516	
PX156	22/08	Bán ximăng cho cty Hoàng Lộc	632	1.145.350			400	458.140.000	35.95	41.175.516	
PN146	23/08	Nhập ximăng bao PCB30 DOHP-150817023	112	1.172.727	225	263.863.636			260,95	305.039.152	
PX158	24/08	Xuất cho cty XD 219	632	1.168.956			15	17.354.340	245.95	287.504.812	
...
		Cộng phát sinh tháng 8			850.95	997.932.102	925	1.069.087.740			
		Dư cuối tháng 8							95.95	110.686.562	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Ví dụ 4: Ngày 06/08/2015, xuất 32.000 kg Thép cây D10 cho công ty TNHH XL TM Khởi Đạt, Hóa đơn GTGT số 0000905. Khách hàng chưa thanh toán

trị giá của hàng hóa xuất kho trong ví dụ trên được tính vào như sau:

- Tồn đầu kỳ (1/08) : 46.800 kg Thép cây D10, đơn giá 10.200 đồng/kg

Trị giá tồn kho đầu kỳ = $46.800 * 10.200 = 477.360.000$ đồng

- Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ:

+ ngày 5/08 : Nhập kho 25.000 kg Thép cây D10 , đơn giá 9.545 đồng/kg.

Trị giá nhập kho ngày 5/08 = $25.000 * 9.545 = 238.625.000$ đồng

+ ngày 6/08: Xuất kho 32.000kg Thép cây D10 bán cho công ty Khởi Đạt

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình quân} &= \frac{477.360.000 + 238.625.000}{46.800 + 25.000} \\ \text{xi măng xuất ngày} & \\ 06/08 & \end{aligned}$$

$$= 9.972 \text{ đồng/kg}$$

Trị giá 32.000kg Thép cây D10 xuất kho = $32.000 \text{ kg} * 9.972 = 319.104.000$ đồng

Biểu số 2.11: (Trích Phiếu xuất kho)

Đơn vị: Công ty Cổ phần Bảo An
Địa chỉ: Số 33 lô 06 khu 97 Bạch Đằng- Hạ Lý- HB- HP

Mẫu số: 02 – VT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 06 tháng 08 năm 2015

Số: 143

Nợ : 632
Có : 156

- Họ và tên người nhận hàng : Đoàn Xuân Dương – Phòng Kinh doanh
- Lý do xuất kho: Xuất bán cho công ty TNHH XL TM KHởi Đạt
- Xuất tại kho (ngăn lô): hàng hóa

STT	Tên hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Thép cây D10		Kg	32.000	32.000	9.972	319.104.000
	Cộng			32.000	32.000		319.104.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Ba trăm mười chín triệu một trăm linh bốn nghìn đồng
- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 06 tháng 08 năm 2015

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Người nhận hàng
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.13: (Trích thẻ kho Thép cây D10 tháng 08 năm 2015)

Đơn vị: Công ty Cổ phần Bảo An

Địa chỉ: Số 33 lô 06 khu 97 Bạch Đằng- Hạ Lý- HB- HP

Mẫu số S09 – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC)

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO (SỔ KHO)

Ngày lập thẻ: 01/01/2015

-Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư: Thép cây D10

-Đơn vị tính: kg

STT	Ngày, tháng	SHCT		Diễn giải	Ngày N,X	Số lượng			Ký xác nhận
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
	B	C	D	E	F	1	2	3	G
				<u>Tồn đầu tháng 8</u>				<u>46.800</u>	
	05/08	112		Nhập thép D10	05/08	25.000			
	06/08		143	Bán thép cho công ty \khởi Đạt	06/08		32.000		
	14/08		148	Bán thép cho công ty Hoa Tín	14/08		30.000		
	25/08	157		Nhập thép D10	25/08	22.000			
				Cộng phát sinh tháng 8		47.000	62.000		
				Dư cuối tháng 8				<u>31.800</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.14: (Trích sổ chi tiết hàng hóa tháng 08 năm 2015)

Đơn vị: Công ty Cổ phần Bảo An

Địa chỉ: Số 33 lô 06 khu 97 Bạch Đằng- Hạ Lý- HB- HP

Mẫu số S07 – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Năm 2015

Tên tài khoản: hàng hóa. Tên kho: hàng hóa

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Thép cây D10.

Đơn vị tính: kg

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	
		Số dư đầu tháng 8		10.200					46.800	477.360.000	
PN112	05/08	Nhập thép D10	331	9.545	25.000	238.625.000			71.800	715.985.000	
PX143	06/08	Bán thép cho công ty khởi Đạt	632	9.972			32.000	319.104.000	39.800	396.881.000	
PN148	14/08	Bán thép cho công ty Hoa Tín	632	9.972			30.000	299.160.000	9.800	97.721.000	
PN157	25/08	Nhập thép D10	112	9.800	22.000	215.600.000			31.800	313.321.000	
		Cộng phát sinh tháng 8			47.000	454.225.000	62.000	618.264.000			
		Dư cuối tháng 8							<u>31.800</u>	<u>313.321.000</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.15: (Trích bảng tổng hợp nhập xuất tồn)

Đơn vị: Công ty Cổ phần Bảo An

Địa chỉ: Số 33 lô 06 khu 97 Bạch Đằng- Hạ Lý- HB- HP

Mẫu số S08 – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT
VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

Tài khoản: 156

Tháng 08 năm 2015

STT	Tên hàng hóa	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
A	B	1	2	3	4
1	Ximang bao PCB30 DOHP-150817023	181.842.200	997.932.102	1.069.087.740	110.686.562
2	Ximang bao PCB30 DOHP-150624007	15.200.121	887.980.367	876.256.390	26.924.098
.....
6	Xi măng PCB30 DOHP-150423420	6.001.725	180.185.325	179.012.242	7.174.808
.....
9	Thép cây D10	477.360.000	454.225.000	618.264.000	313.321.000
.....
	Cộng tháng 8	756.657.876	22.879.453.127	22.689.640.678	946.470.325

Ngày 31 tháng 08 năm 2015.

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

2.2.2: Kế toán tổng hợp hàng hóa tại công ty Cổ phần Bảo An

2.2.2.1. Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng mua hàng
- Phiếu nhập kho (mẫu 01-VT)
- Phiếu xuất kho (mẫu 02-VT)
- Thẻ kho(Mẫu số S09- DNN)
- Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo có của ngân hàng,.....
- Và các chứng từ khác liên quan

2.2.2.2. Tài khoản sử dụng:

Để hạch toán hàng tồn kho công ty sử dụng tài khoản:

-TK 156: Hàng hoá và mở các tài khoản cấp 2:

....

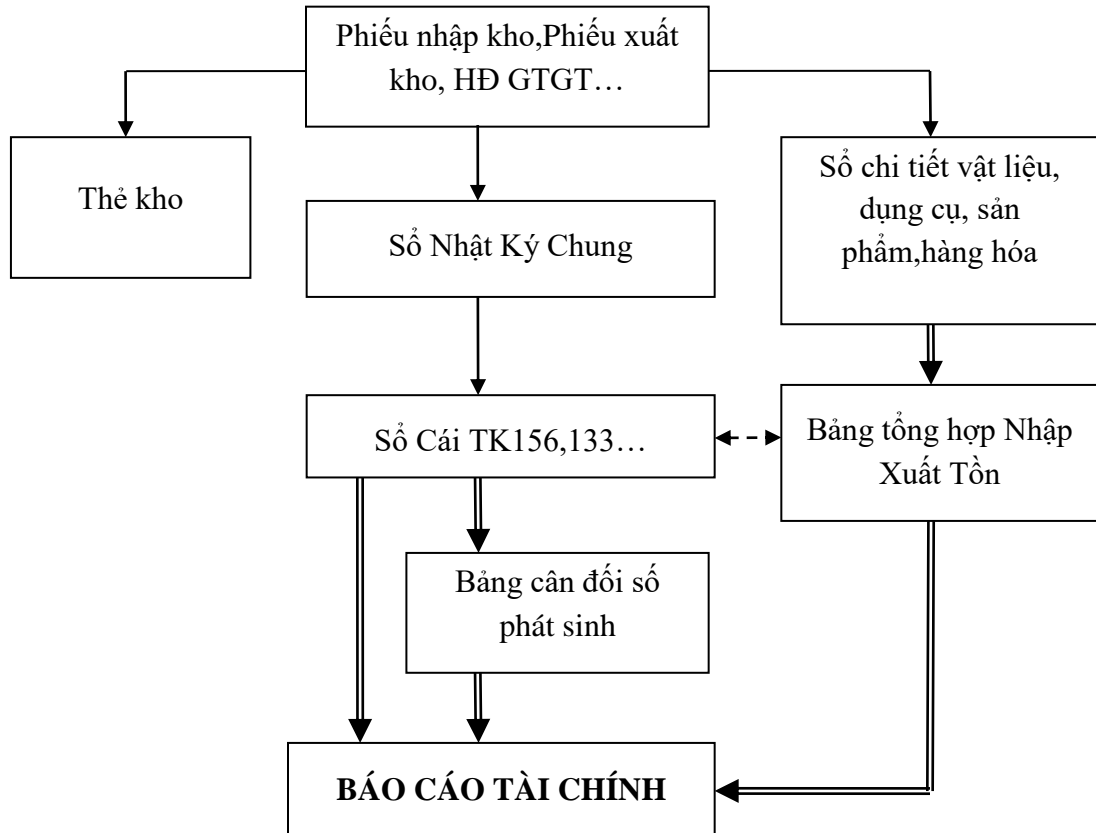
- Các tài khoản khác có liên quan:

- + TK 111: tiền mặt
- + TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- + TK 331: Phải trả người bán và được mở chi tiết cho từng người bán.
- + TK 1331: Thuế GTGT được khấu trừ
- + TK 632: Giá vốn hàng bán

Khóa luận tốt nghiệp

2.2.2.3. Quy trình hạch toán hàng hoá tại Công ty Cổ phần Bảo An

Trình tự ghi sổ kế toán của công ty thể hiện theo sơ đồ:



Ghi chú

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: ==>

Quan hệ đối chiếu kiểm tra: <- - - ->

- Hàng ngày, căn cứ vào phiếu nhập kho, phiếu xuất kho và các chứng từ kế toán khác, kế toán phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật Ký Chung. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật Ký Chung để ghi vào sổ cái TK156 và sổ cái các tài khoản có liên quan. Cuối kỳ, đối chiếu số liệu trên Sổ cái TK 156 với Bảng tổng hợp nhập xuất tồn hàng hóa.

2.2.3.4. Ví dụ minh họa

Lấy lại các nghiệp vụ ở phần kế toán chi tiết để minh họa phần kế toán tổng hợp.

- **Tiếp ví dụ 1:** Ngày 23/08/2015 mua 225 tấn xi măng của công ty xi măng Chinfon thanh toán bằng chuyển khoản số tiền 290.250.000 đồng. (Bao gồm VAT 10%).


- Ngày 23 tháng 08 năm 2015 Công ty mua Xi măng của công ty xi măng Chinfon. Căn cứ vào HĐ GTGT số 0066015 (Biểu số 2.16), phiếu chi (Biểu số 2.17) và phiếu nhập kho số 146(Biểu số 2.18), kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.25). Từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái TK 156 (Biểu số 2.26), sổ cái các tài khoản khác liên quan.

Tiếp Ví dụ 3: Ngày 24/08/2015, xuất 15 tấn xi măng PCB 30 DOHP-150624007 cho công ty Cổ phần xây dựng 219, Hóa đơn GTGT số 0000986. Khách hàng chưa thanh toán.

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 158 (Biểu 2.19) và Hóa đơn GTGT số 0000986(Biểu số 2.20), kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.25) và vào sổ cái TK 156 (Biểu số 2.26).

Cuối kỳ, đối chiếu số liệu trên Sổ cái TK 156 với Bảng tổng hợp nhập xuất tồn hàng hóa (Biểu số 2.27)

Biểu số 2.16: (Trích Hóa đơn GTGT mua xi măng)



XI MĂNG CHINFON
CÔNG TY
XI MĂNG
CHINFON

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao cho người mua

Ngày .23. tháng 08.. năm 2015.

Mẫu số: 01GTKT2/001
Ký hiệu: AB/14P
Số: 0066015
0066015

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY XI MĂNG CHINFON**
Mã số thuế: 02001110200
Địa chỉ: Thôn Trảng Kênh - Thị trấn Minh Đức - Huyện Thủy Nguyên - Thành phố Hải Phòng
ĐT: 031 3875480; Fax: 031 3875479

Họ, tên người mua hàng: Mã số thuế: .0200787634.....
Tên đơn vị: .CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO AN..... Số tài khoản:
Địa chỉ: .Số 33 Lô 05. Khu 97 Bạch Đằng. Hạ Lý. Hồng Bàng. H. Lệnh giao hàng: ND 2034.....
Hình thức thanh toán: CK/DT/TM..... Nơi giao hàng: Giao Thủy - Nam Đ.

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=(4*5)
1	Xi măng bao PCB30 DOHP-150817023	Tấn	225,000	1.172.727	263.863.636
Tổng cộng			Tấn	225,000	
Cộng tiền hàng:					263.863.636
Thuế suất GTGT:			10 %	Tiền thuế GTGT:	
					26.386.364
Tổng cộng tiền thanh toán:					290.250.000

Tổng số tiền viết bằng chữ: Hai trăm chín mươi triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng chẵn

Người mua hàng
(Ký, họ tên)
Mai Văn Mai

Người bán hàng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ, họ tên)
Lê Thị Tiên

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
In tại công ty TNHH MTV In Tài chính - ĐT: 04.38362581 - MST: 0100111225

SV: Nguyễn Thị Ngọc Hương – QTL901K

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.17: Giấy báo Nợ

Ngân hàng Á Châu

Mã GDV: NGUYEN THU HANG

Chi nhánh: CAN – CN Hải Phòng

GIẤY BÁO NỢ

Ma KH: 44048

Ngày: 23-8-2015

So GD: 13

Kính gửi: CONG TY CO PHAN BAO AN

Ma so thue:0200787634

Hôm nay, chúng tôi xin báo ghi NO tại khoản của quý khách hàng với nội dung như sau

So Tai khoan ghi NO: 167493756

So tien bang so:290.250.000

Bang chu: Hai tram chin muoi trieu dong hai tram nam muoi nghin dong chan

Noi dung: Thanh toan tien mua xi mang

Giao dich vien

Kiem soat

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.18: (Trích phiếu nhập kho xi măng)

Đơn vị: Công ty Cổ phần Bảo An

Địa chỉ: Số 33 lô 06 khu 97 Bạch Đằng- Hạ Lý- HB- HP

Mẫu số: 01 – VT

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 23 tháng 08 năm 2015

Nợ: 156

Số: 146

Có: 112

- Họ và tên người giao: Lê Thị Sâm - Công ty xi măng Chinfon
- Theo HĐGTGT số 0066015 ngày 23 tháng 08 năm 2015
- Nhập tại kho: hàng hóa

STT	Tên hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
01	Xi măng bao PCB30 DOHP-150817023		Tấn	225	225	1.172.727	263.863.636
	Cộng			225	225		263.863.636

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm sáu mươi ba triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng.
- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 23 tháng 08 năm 2015

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Người giao hàng
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

SV: Nguyễn Thị Ngọc Hương – QTL901K

Biểu số 2.19: (Trích Phiếu xuất kho)

Đơn vị: Công ty Cổ phần Bảo An
Địa chỉ: Số 33 lô 06 khu 97 Bạch Đằng- Hạ Lý- HB- HP

Mẫu số: 02 – VT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 24 tháng 08 năm 2015

Số: 158

Nợ : 632

Có : 156

- Họ và tên người nhận hàng : Lê Văn Huỳnh- Phòng kinh doanh
- Lý do xuất kho: Xuất bán cho công ty cổ phần 219
- Xuất tại kho (ngăn lô): hàng hóa

STT	Tên hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Ximăng PCB30 DOHP- 150817023		Tấn	15	15	1.168.956	17.534.340
	Cộng			15	15		17.534.340

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười bảy triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng.

-Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 24 tháng 08 năm 2015

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Người nhận hàng
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

<p>HÓA ĐƠN</p> <p>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</p> <p>Liên 3: Nội bộ</p> <p><i>Ngày 24 tháng 08 năm 2015</i></p>			<p>Mẫu số: 01GTKT3/001</p> <p>Ký hiệu: AA/15P</p> <p>Số: 0000986</p>		
<p>Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Bảo An</p> <p>Mã số thuế: 0200787634</p> <p>Địa chỉ: Số 33 lô 06 khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành Phố Hải Phòng, VN</p> <p>Số tài khoản:</p> <p>Điện thoại:</p>					
<p>Họ tên người mua hàng:</p> <p>Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần 219</p> <p>Địa chỉ: Số 26 Phan Bá Vành- Quang Trung- TB</p> <p>Hình thức thanh toán: CK MST: 5701341247</p>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	B	C	1	2	3=1x2
1,	Xi măng PCB30 DOHP-15081723	Tấn	15	1.370.000	20.550.000
Cộng tiền hàng:					20.550.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		2.055.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					22.605.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Hai mươi hai triệu sáu trăm linh năm nghìn đồng.</i>					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ, tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ, tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)</i>	
<p><i>(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i></p> <p><u>Biểu số 2.16:</u> (Trích Hóa đơn GTGT bán xi măng)</p>					

Tiếp Ví dụ 2: Ngày 05/08/2015 Công ty mua thép cây D10 của Công ty TNHH Nam Hương. Chưa thanh toán cho nhà cung cấp số tiền 262.487.500VND (bao gồm VAT 10%)

Định khoản:

Nợ 156: 238.625.000

Nợ 133: 23.862.500

Có 331: 262.487.500

- Căn cứ vào HĐ GTGT số 0000467 (Biểu số 2.21), và phiếu nhập kho số 112(Biểu số 2.22), kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.25) Từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái TK 156 (Biểu số 2.26), sổ cái các tài khoản khác liên quan.

Tiếp Ví dụ 4: Ngày 06/08/2015, xuất 32.000 kg Thép cây D10 cho công ty TNHH XL TM Khởi Đạt, Hóa đơn GTGT số 0000905. Khách hàng chưa thanh toán.

- Căn cứ vào phiếu xuất kho số 143 (Biểu 2.23), và HĐ GTGT số 0000905 (Biểu số 2.24) kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.25) và vào sổ cái TK 156 (Biểu số 2.26).

Cuối kỳ, đối chiếu số liệu trên Sổ cái TK 156 với Bảng tổng hợp nhập xuất tồn hàng hóa (Biểu số 2.27)

Biểu số 2.21: (Trích Hóa đơn GTGT mua thép)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao người mua			Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/15P Số: 0000467		
Ngày 05 tháng 08 năm 2015					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Nam Hương Mã số thuế: 5701341247 Địa chỉ: Khu Yên Hợp, xã Yên Thọ, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh Số tài khoản: 44210000101269 tại Ngân hàng ĐT&PT Tây Nam Quảng Ninh Điện thoại: 033.387 1950					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty cổ phần bảo An Địa chỉ: Số 33 lô 06 khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam Hình thức thanh toán: CK MST: 0200787634					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	B	C	1	2	3=1x2
1,	Thép cây D10	Kg	25.000	9.545	238.625.000
Cộng tiền hàng:					238.625.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		23.862.500
Tổng cộng tiền thanh toán:					262.487.500
Số tiền viết bằng chữ: <i>Hai trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng.</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)	

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị: Công ty Cổ phần Bảo An
Địa chỉ: Số 33 lô 06 khu 97 Bạch Đằng- Hạ Lý- HB- HP

Mẫu số: 01 – VT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 05 tháng 08 năm 2015

Nợ: 156

Số: 112

Có: 331

- Họ và tên người giao: Trần Văn Bắc - Công ty TNHH Nam Hương
- Theo HĐGTGT số 0000467 ngày 05 tháng 08 năm 2015
- Nhập tại kho: hàng hóa

STT	Tên hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
01	Thép cây D10		Kg	25.000	25.000	9.545	238.625.000
	Cộng			25.000	25.000		238.625.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm ba mươi tám triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng
- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 05 tháng 08 năm 2015

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Người giao hàng
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.22: (Trích phiếu nhập kho Thép)

Biểu số 2.23: (Trích Phiếu xuất kho)

Đơn vị: Công ty Cổ phần Bảo An

Địa chỉ: Số 33 lô 06 khu 97 Bạch Đằng- Hạ Lý- HB- HP

Mẫu số: 02 – VT

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC)

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 06 tháng 08 năm 2015

Số: 143

Nợ : 632

Có : 156

-Họ và tên người nhận hàng : Đoàn Xuân Dương – Phòng Kinh doanh

-Lý do xuất kho: Xuất bán cho công ty TNHH XL TM Khởi Đạt

-Xuất tại kho (ngăn lò): hàng hóa

STT	Tên hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Thép cây D10		Kg	32.000	32.000	9.972	319.104.000
	Cộng			32.000	32.000		319.104.000

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): Ba trăm mười chín triệu một trăm linh bốn nghìn đồng

-Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 06 tháng 08 năm 2015

Người lập phiếu

(ký, họ tên)

Người nhận

hàng

(ký, họ tên)

Thủ kho

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

<p>HÓA ĐƠN</p> <p>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</p> <p>Liên 3: Nội bộ</p> <p><i>Ngày 06 tháng 08 năm 2015</i></p>			<p>Mẫu số: 01GTKT3/001</p> <p>Ký hiệu: AA/15P</p> <p>Số: 0000905</p>		
<p>Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Bảo An</p> <p>Mã số thuế: 0200787634</p> <p>Địa chỉ: Số 33 lô 06 khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành Phố Hải Phòng, VN</p> <p>Số tài khoản:</p> <p>Điện thoại:</p>					
<p>Họ tên người mua hàng:</p> <p>Tên đơn vị: TNHH Xây Lắp Thương Mại KHởi Đạt</p> <p>Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ - Phường Vạn Mỹ - Ngô Quyền – Hải Phòng</p> <p>Hình thức thanh toán: CK MST: 0201284263</p>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	B	C	1	2	3=1x2
1,	Thép D10	Kg	32.000	11.500	368.000.000
Cộng tiền hàng:					368.000.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		36.800.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					404.800.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn trăm linh bốn triệu tám trăm nghìn đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ, tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ, tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)</i>	
<p><i>(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i></p> <p><u>Biểu số 2.24:</u> (Trích Hóa đơn GTGT bán Thép)</p>					

Biểu số 2.25: (Trích sổ Nhật ký chung tháng 08)

Mẫu số S03a – DN

Đơn vị: Công ty Cổ phần Bảo An

Địa chỉ: Số 33 lô 06 khu 97 Bạch Đằng- Hạ Lý- HB- HP

*(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính : đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
						
05/08	PNK112 HD467	05/08	Nhập thép cây D10 của Hoa Dương		156 133 331	238.625.000 23.862.500	262.487.500
06/08	PXK143	06/08	Bán Thép cây D10 cho công ty Khởi Đạt		632 156	319.104.000	319.104.000
06/08	HD0000905	06/08	Doanh thu bán hàng		131 511 3331	404.800.000	368.000.000 36.800.000
17/08	PC002	17/08	Thanh toán tiền cước điện thoại		6422 111	1.024.367	1.024.367
22/08	PN134 HD786	22/08	Mua chịu xi măng của công ty xi măng Chinfon.		156 133 331	313.118.181 31.311.819	344.430.000
23/08	PN146 HD66015 GBN2308	23/08	Mua ximang của cty chinfon thanh toán bằng TGNH		156 133 112	263.863.636 26.386.364	290.250.000
24/08	PX158	24/08	Giá vốn xuất kho ximang bán cho cty XD 219		632 156	17.354.340	17.354.340

24/08	HĐ0000986	24/08	Doanh thu bán hàng cho công ty cổ phần 219		131 511 3331	22.605.000	20.550.000 2.055.000
...
			Cộng số phát sinh			412.777.819.144	412.777.819.144

Biểu số 2.26: (Trích sổ cái TK 156 tháng 8 năm 2015)

Đơn vị: Công ty Cổ phần Bảo An

Địa chỉ: Số 33 lô 06 khu 97 Bạch Đằng- Hạ Lý- HB- HP

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên Tài khoản: Hàng hóa

Số hiệu tài khoản: 156

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 8		756.657.876	
.....
05/08	PN112	05/08	Nhập thép cây D10 của Hoa Dương	331	238.625.000	
06/08	PX143	06/08	Bán Thép cây D10 cho công ty Khởi Đạt	632		319.104.000
.....
12/08	PN144	12/08	Nhập ximang bao PCB30 DOHP-150817023	331	205.227.225	
15/08	PX152	15/08	Bán ximang cho cty Hải Thành	632		123.413.400
23/08	PN146	23/08	Nhập ximang bao PCB30 DOHP-150817023	112	263.863.636	
24/08	PX158	14/08	Xuất ximang cho cty XD 219	632		17.354.340
.....
			Cộng phát sinh tháng 8		22.879.453.127	22.689.640.678
			Dư cuối tháng 8		946.470.325	

Ngày 31 tháng 08 năm 2015

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3

MỘT Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO AN

3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bảo An.

- Trong nền kinh tế thị trường ngày nay và đặc biệt là nước ta đã gia nhập các tổ chức kinh tế quốc tế như: WTO, APEC,... việc hội nhập này đòi hỏi tất cả các doanh nghiệp phải thay đổi cách nhìn nhận về một sân chơi mới và có tính chuyên nghiệp cao.

- Trước những thách thức cũng như cơ hội này, Công ty Cổ phần Bảo An luôn tạo mọi cơ hội sáng tạo, luôn tìm mọi cách để cải tiến lối làm việc. Tuyển chọn, sử dụng người quản lý kinh doanh năng động, có hiệu quả, và đào thải những nhà quản lý kém hiệu quả và luôn rút ra được những bài học kinh nghiệm để phát triển:

- + Đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên.
- + Làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà Nước.
- + Sắp xếp, tổ chức tốt bộ máy quản lý.
- + Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có trình độ và tay nghề.

- Qua quá trình nghiên cứu thực tế về công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán hàng hóa tại công ty cho thấy Công ty gặp không ít khó khăn và thách thức. Sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty cùng kinh doanh một mặt hàng. Các yếu tố vĩ mô như mất cân bằng cung cầu, lạm phát khiến doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc thanh toán công nợ. Song với sự nỗ lực phấn đấu không ngừng, công ty đã khẳng định được vị thế và đứng vững trên thị trường.

- Bộ máy kế toán của Công ty, nhất là công tác kế toán hàng hóa được tổ chức một cách hợp lý hoạt động có nề nếp, các cán bộ kế toán nhiệt tình yêu nghề tiếp cận kịp thời với chế độ kế toán hiện hành và vận dụng một cách linh hoạt, sáng

tạo khoa học có tinh thần tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong công việc đem lại hiệu quả cao.

- Qua thời gian tìm hiểu và tiếp cận thực tế về công tác kế toán, được sự quan tâm giúp đỡ của các cô chú, anh chị trong công ty với những kiến thức được học ở nhà trường, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán hàng hóa nói riêng tại công ty có những ưu, nhược điểm sau:

3.1.1. Ưu điểm.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty tương đối gọn nhẹ, các phòng ban, bộ phận có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong mọi hoạt động kinh doanh của công ty. Từng nhân viên trong công ty được gắn bó vào hoạt động chuyên biệt, điều đó cho phép họ tích lũy được kinh nghiệm, phát huy được năng lực sở trường để thực hiện công việc có hiệu quả.

- Việc bố trí các cán bộ kế toán và phân định trong bộ máy kế toán của công ty tương đối phù hợp với khối lượng công việc và đáp ứng được nhu cầu đề ra. Đội ngũ cán bộ kế toán của công ty tuy tuổi đời còn trẻ song lại rất năng động, nghiệp vụ chuyên môn vững vàng. Công ty luôn tạo điều kiện cho cán bộ bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của công tác kế toán.

- Để phù hợp với đặc điểm kinh doanh cũng như yêu cầu quản lý của mình trong việc hạch toán các nghiệp vụ hàng hóa, công ty đã chi tiết tài khoản ra cấp 2,3 và mở thêm một số tài khoản chi tiết cho các tài khoản chi tiết đó, chính điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc ghi chép kế toán được rõ ràng cũng như việc kiểm tra đối chiếu giữa các số liệu kế toán.

- Tổ chức công tác kế toán được thực hiện tốt theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006.

Hệ thống tài khoản: Công ty Cổ phần Bảo An áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong chế độ kế toán

đặc biệt là những chuẩn mực mới và các thông tư hướng dẫn, các quy định của Nhà nước.

Hệ thống chứng từ: Chứng từ mà công ty sử dụng để hạch toán đều dùng đúng theo mẫu biểu mà Bộ tài chính ban hành từ: phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, nhập kho... Những thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép một cách đầy đủ, chính xác, tạo điều kiện cho việc đối chiếu kiểm tra số liệu thực tế và số liệu trên sổ sách kế toán. Các chứng từ được lưu trữ cẩn thận theo từng loại, từng hợp đồng thuận lợi cho việc tìm kiếm, đối chiếu số liệu.

Hệ thống sổ sách: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật Ký Chung, hình thức này tương đối đơn giản, đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu, dễ thu nhận xử lý, tổng hợp và cung cấp thông tin phù hợp với năng lực, trình độ và điều kiện kỹ thuật tính toán cũng như yêu cầu quản lý của Công ty, giúp cho việc kiểm soát thông tin đảm bảo yêu cầu dễ tìm, dễ thấy. Như vậy, hình thức Nhật Ký Chung đã đáp ứng được yêu cầu hạch toán kế toán và quản lý của Công ty.

- Nhìn chung, tổ chức kế toán hàng tồn kho tại Công ty Cổ phần Bảo An phù hợp với phương pháp kế toán hàng tồn kho hiện hành, tuân thủ các quy định của nhà nước về hệ thống tài khoản, hệ thống sổ sách, chứng từ, đảm bảo sự thống nhất giúp nhà nước có thể kiểm tra, giám sát hoạt động của doanh nghiệp.

*) Tổ chức kế toán hàng hoá:

- Trong công tác theo dõi hàng hoá nhập- xuất- tồn trong kỳ kế toán luôn cập nhật phản ánh đầy đủ tình hình biến động tăng giảm hàng hoá lên hệ thống sổ sách của công ty.

Công ty Cổ phần Bảo An đã xây dựng một quy trình nhập-xuất kho tương đối hoàn thiện: chẳng hạn, đối với hoạt động nhập kho, dựa vào kế hoạch tiêu thụ sản phẩm, kế hoạch dự trữ hàng tồn kho, yêu cầu mua hàng, phòng kinh doanh lập giấy đề nghị mua hàng (sau khi được phê duyệt) sẽ lập đơn đặt hàng hoặc thỏa thuận các hợp đồng mua hàng, sau đó mới nhập kho hàng hoá.

Đối với hoạt động xuất kho, công ty đã xây dựng quy trình xuất kho phù hợp. Đảm bảo các căn cứ ghi sổ phù hợp với chuẩn mực kế toán.

+) Về kế toán chi tiết hàng hoá:

Công ty Cổ phần Bảo An hạch toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp ghi thẻ song song, đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra, đối chiếu. Công ty áp dụng phương pháp thẻ song song là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty vì công ty kinh doanh vật liệu xây dựng. Trong công tác hạch toán chi tiết hàng tồn kho tại công ty, giữa phòng kế toán và thủ kho luôn có sự phối hợp chặt chẽ, thủ kho theo dõi hàng hoá, quản lý chi tiết hàng hoá, kế toán theo dõi chi tiết hàng hoá thông qua sổ chi tiết hàng hoá. Cùng với đó, công ty luôn chú trọng đến công tác đối chiếu giữa sổ kế toán chi tiết với thẻ kho, đối chiếu số liệu trên Bảng tổng hợp Nhập- Xuất- Tồn với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp để đảm bảo tính hợp lý, chính xác.

+) Về kế toán tổng hợp hàng hóa:

Tại công ty Cổ phần Bảo An, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên nên công ty có thể theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình nhập – xuất – tồn kho hàng hóa. Như vậy công ty có điều kiện để quản lý tốt hàng hoá và hạch toán chặt chẽ theo đúng quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra kế toán tại

3.1.2. Hạn chế.

Bên cạnh những ưu điểm ở trên công tác kế toán nói chung và công tác kế toán hàng hóa nói riêng của công ty còn bộc lộ những mặt hạn chế cần khắc phục như sau:

❖ *Về việc chưa lập sổ danh điểm hàng hóa:*

Công ty chưa có hệ thống mã hóa khoa học cho từng loại hàng hóa do vậy sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý hàng hóa. Các loại hàng hóa mới chỉ được mã hóa bằng chữ cái theo ký hiệu viết tắt của chúng vì vậy việc quản lý rất khó khăn. Do vậy, công tác quản lý hàng hóa chưa đạt được hiệu quả tối ưu, khối lượng

công việc nhiều. Các hàng hóa chưa được phân định rõ ràng. Đây là vấn đề ban lãnh đạo công ty cần quan tâm, xem xét để có một hệ thống hàng được mã hàng hóa khoa học hợp lý hơn tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, bảo quản, thuận tiện trong việc ứng dụng phần mềm kế toán.

❖ *Về việc ứng dụng phần mềm kế toán:*

Khối lượng công việc kế toán tại công ty khá lớn nhưng công tác kế toán vẫn được thực hiện thủ công. Mặc dù phòng kế toán đã được trang bị máy tính nhưng mới chỉ áp dụng Microsoft Office (Word, Excel...) nên việc tính toán tương đối nhiều, dễ dẫn đến sai sót. Vậy nên, công ty nên xem xét tới việc mua phần mềm kế toán phù hợp với tình hình công ty.

❖ *Về việc kiểm nghiệm chất lượng hàng hóa nhập kho*

Để phục vụ việc mua bán hàng hóa thì số lượng hàng hóa nhập kho tại công ty là rất lớn, tuy nhiên công ty mới chỉ kiểm tra về mặt số lượng, còn về chất lượng hàng hóa nhập kho chưa được đặc biệt chú trọng.

❖ *Về việc luân chuyển chứng từ:*

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao nhận chứng từ đều phải ký vào phiếu giao nhận. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý.

Việc làm này giúp quản lý chứng từ chặt chẽ hơn và theo dõi được số lượng chứng từ trong một khoảng thời gian nhất định. Hơn nữa, cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

❖ *Về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

Công ty chưa tiến hành trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho nên khi có những biến động về giá cả hàng hóa thì công ty không có nguồn tài chính để bù đắp những tổn thất có thể xảy ra trong năm kế hoạch. Điều này có thể dẫn đến tình trạng không bảo toàn vốn kinh doanh của công ty, gây bất ổn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng hóa tại Công ty cổ phần Bảo An

Trải qua quá trình phát triển và đổi mới sâu sắc theo cơ chế thị trường hơn thập kỷ qua, kế toán Việt Nam đã không ngừng được hoàn thiện và phát triển, góp phần tích cực vào việc tăng cường và nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế tài chính. Trong đó hạch toán kế toán góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng quản lý tài chính quốc gia và quản trị doanh nghiệp.

Việc hoàn thiện tổ chức hạch toán kế toán hàng hóa sẽ giúp cho doanh nghiệp tiết kiệm được các chi phí, nâng cao lợi nhuận. Vì vậy mà việc nghiên cứu, đưa ra các biện pháp để hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa là vô cùng cần thiết và việc hoàn thiện này phải tuân theo những yêu cầu sau:

- ✓ Hoàn thiện công tác kế toán trước hết phải phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hệ thống kế toán ban hành bắt buộc các doanh nghiệp phải áp dụng, nhưng được quyền vận dụng trong một phạm vi nhất định phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp để mang lại hiệu quả cao nhất.
- ✓ Các biện pháp hoàn thiện phải được xây dựng trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán hiện hành. Tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế được phép vận dụng và cải tiến cho phù hợp với tình hình quản lý tại đơn vị mình, không bắt buộc phải dập khuôn theo chế độ, nhưng trong khuôn khổ nhất định vẫn phải tôn trọng chế độ hiện hành về quản lý tài chính của nhà nước.
- ✓ Kế toán là khoa học thu nhận, xử lý thông tin phục vụ cho yêu cầu quản lý của các nhà quản trị doanh nghiệp. Do vậy các thông tin kế toán đưa ra phải chính xác kịp thời phù hợp với yêu cầu, giúp cho các nhà quản trị đưa ra các quyết định đúng đắn, đạt kết quả tối ưu, đây là yêu cầu không thể thiếu trong công tác kế toán.
- ✓ Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo hài hòa mối quan hệ giữa chi phí và lợi nhuận đạt được mục tiêu tối thiểu hóa chi phí, tối đa hóa lợi nhuận.

3.2.1. Hoàn thiện về việc lập sổ danh điểm vật tư.

Công ty cổ phần Bảo An là một công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các loại xi măng, sắt thép...nên khối lượng xi măng, sắt thép ...rất lớn và đa dạng về chủng loại. Hiện nay hàng hóa của công ty được phân loại theo loại hàng, mã

hàng. Việc phân loại như vậy thì đơn giản nhưng chưa khoa học. Với đặc điểm hàng hóa như hiện tại, theo em công ty nên xây dựng một hệ thống danh điểm hàng hóa thống nhất toàn công ty và sử dụng “Sổ danh điểm vật tư”

Sổ danh điểm hàng hóa là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại hàng hóa đã và đang sử dụng, được theo dõi từng nhóm, từng loại, quy cách hàng hóa một cách chặt chẽ, logic, hợp lý. Hệ thống các danh điểm hàng hóa có thể được xác định theo nhiều cách thức khác nhau nhưng phải đảm bảo đơn giản, dễ nhớ, không trùng lặp. Mỗi loại, mỗi nhóm hàng hóa được quy định một mã riêng sắp xếp một cách trật tự, thuận tiện cho việc tìm kiếm khi cần thiết.

Xây dựng sổ danh điểm hàng hóa giúp cho việc quản lý từng loại hàng hóa sẽ tránh được nhầm lẫn, thiếu sót và cũng giúp cho việc thống nhất giữa thủ kho và kế toán trong việc lập bảng kê, báo cáo nhập xuất tồn. Khi có sổ danh điểm việc ghi chép của kế toán sẽ thuận tiện hơn và tránh được nhầm lẫn. Việc quản lý hàng hóa trong công ty nói chung sẽ được chặt chẽ, thống nhất và khoa học hơn.

Để lập sổ danh điểm hàng hóa điều quan trọng nhất là phải xây dựng được bộ mã vật liệu chính xác, đầy đủ, không trùng lặp, có dự trữ để bổ sung những mã hàng hóa chưa có. Công ty có thể xây dựng bộ mã dựa vào các đặc điểm sau:

- + Dựa vào nhóm hàng hóa;
- + Dựa vào loại hàng hóa trong mỗi nhóm;
- + Dựa vào số thứ hàng hóa có trong mỗi nhóm, loại;
- + Dựa vào quy cách hàng hóa trong mỗi thứ.

Trong mỗi nhóm hàng hóa sẽ sử dụng chữ cái để chi tiết cho từng loại hàng hóa giúp cho việc theo dõi dễ dàng hơn. Trên cơ sở đó, việc quản lý hàng hóa sẽ được tiến hành một cách khoa học và chặt chẽ.

Ví dụ:

TK 1561-A: Nhóm Xi măng

TK 1561-A1: Xi măng Chifont

TK 1561-A2: Xi măng PCB30

TK 1561-A3: Xi măng trắng

.....

TK 1561-B: Nhóm Thép

TK 1561 –B1: Thép cây D6

TK 1561 – B2: Thép cây D10

TK 1561- B3: Thép cây D12

.....

Theo em, để tiện theo dõi và quản lý nguyên vật liệu công ty nên lập sổ danh
điểm hàng hóa như sau :

Biểu số 3.1: Sổ danh điểm hàng hóa

Nhóm hàng	Danh điểm hàng hóa	Tên, nhãn hiệu quy cách hàng hóa	Đơn vị tính	Ghi chú
1561-A		Nhóm Xi măng		
	1561-A1	Xi măng Chifont	tấn	
	1561-A2	Xi măng PCB30	tấn	
	1561-A3	Xi măng trắng	kg	
....
			kg	
1561-B		Nhóm Thép		
	1561-B1	Thép cây D6	kg	
	1561-B2	Thép cây D10	kg	
	1561-B3	Thép cây D12	kg	
			

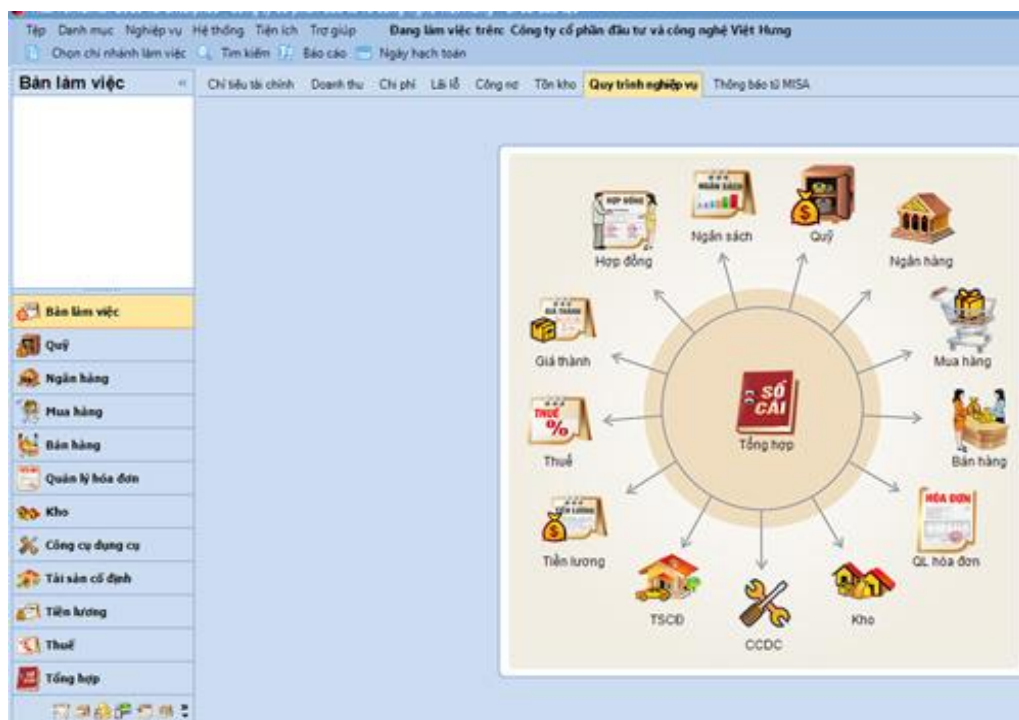
3.2.2. Hoàn thiện việc hiện đại hóa công tác kế toán.

Việc áp dụng công nghệ thông tin vào hạch toán kế toán là hoàn toàn cần thiết. Hiện nay, công nghệ tin học phát triển không ngừng tạo ra những ưu việt trong công tác quản lý kế toán. Nhiều doanh nghiệp hiện nay cũng đã mạnh dạn đầu tư nhằm tin học hóa công tác quản lý, kế toán, cho phép nâng cao hiệu quả quản lý đồng thời tiết kiệm được chi phí sản xuất kinh doanh, qua đó tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Áp dụng phần mềm kê toán sẽ giảm thiểu khối lượng công việc, tránh tình trạng thất thoát mang tính khách quan, tiết kiệm chi phí, đảm bảo tổ chức công tác kế toán gọn nhẹ và hiệu quả cao trong công tác kế toán. Hơn nữa, việc áp dụng phần mềm kê toán để tạo ra sự đồng bộ về hệ thống sổ sách, tài khoản sử dụng, giảm thiểu được những sai sót tính toán, tiết kiệm thời gian ghi chép và các tính năng của phần mềm được phát huy hết tác dụng.

Một số phần mềm kê toán thông dụng hiện nay:

❖ PHẦN MỀM KÊ TOÁN MISA



- Giá: 8.950.000 VND
- Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục đích giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với MISA SME.NET 2015 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet. Đặc biệt, MISA SME.NET 2015 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý, và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP.

➤ *Ưu điểm:*

- Giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt (nhiều hóa đơn cùng 01 Phiếu chi). Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đa dạng đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.
- Đặc biệt, phần mềm cho phép tạo nhiều cơ sở dữ liệu, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên một cơ sở dữ liệu độc lập.
- Điểm đặc biệt nữa ở Misa mà chưa có phần mềm nào có được là thao tác lưu và ghi sổ dữ liệu.
- Tính chính xác: số liệu tính toán trong Misa rất chính xác, ít xảy ra các sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn.
- Tính bảo mật: vì Misa chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao. Cho đến hiện nay thì các phần mềm chạy trên CSDL SQL; .NET;... hầu như giữ nguyên bản quyền (trong khi một số phần mềm viết trên CSDL Visual fox bị đánh cắp bản quyền rất dễ).
- Cập nhật các chính sách mới ban hành của nhà nước
- Tăng tốc độ xử lý dữ liệu nhanh gấp 3 lần so với các phiên bản trước

➤ *Nhược điểm:*

- Vì có SQL nên Misa đòi hỏi cấu hình máy tính tương đối cao, nếu máy yếu thì chương trình chạy rất chậm chạp.
- Phân hệ tính giá thành chưa được nhà sản xuất chú ý phát triển.
- Các báo cáo khi kết xuất ra Excell sắp xếp không theo thứ tự, điều này rất tốn công cho người dùng khi chỉnh sửa lại báo cáo.

❖ PHẦN MỀM KẾ TOÁN METADATA ACCOUNTING



- Giá: 8.000.000 VNĐ
- Phần mềm kế toán MetaData Accounting được phát triển trên công nghệ tiên tiến, xử lý dữ liệu liên hoàn và khép kín, vì vậy số liệu nhập vào phần mềm luôn trong trạng thái nhất quán, mà vẫn đảm bảo tốc độ cập nhật chứng từ và đưa ra báo cáo nhanh nhất. Với nhiều tiện ích độc đáo, phần mềm MetaData đem lại hiệu quả cao nhất trong quá trình quản lý kế toán và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Ứng dụng được thiết kế một cách khoa học, giúp người dùng làm việc thuận tiện nhất. Sản phẩm phù hợp cho hầu hết các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Thương mại, Dịch vụ, Sản xuất, Xây dựng,....
 - MetaData Accounting không những đáp ứng được yêu cầu cơ bản về quản lý tài chính kế toán của doanh nghiệp mà nó còn cung cấp cho nhà quản trị các giải pháp quản lý toàn diện. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật một lần tại các bộ phận kế toán khác nhau như bộ phận quản lý kho, bộ phận bán hàng, bộ phận kế toán,... và được MetaData Accounting xử lý một cách xuyên suốt, tổng hợp số liệu thành các báo cáo đầu ra.
 - Chương trình được phát triển trên công nghệ tiên tiến mang tính chuyên nghiệp cao, sử dụng hệ cơ sở dữ liệu Client/Server InterBase/FireBird có thể chạy trên một máy tính độc lập hay trên mạng nội bộ Lan và Internet, cùng với khả năng lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn (hàng triệu phát sinh...) đáp ứng nhiều người sử dụng một lúc. Phù hợp với hầu hết các doanh nghiệp có quy mô lớn nhỏ khác nhau, xa cách về mặt địa lý.

Khóa luận tốt nghiệp

+ Thỏa mãn tiêu chuẩn phần mềm kế toán theo thông tư số 103/2005/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn tiêu chuẩn và điều lệ của phần mềm kế toán.

+ Sử dụng font Unicode, tuân thủ quy định của Chính phủ theo tiêu chuẩn TCVN 6909:2001.

+ Luôn cập nhật kịp thời các thay đổi mới nhất về chế độ kế toán và báo cáo thuế:

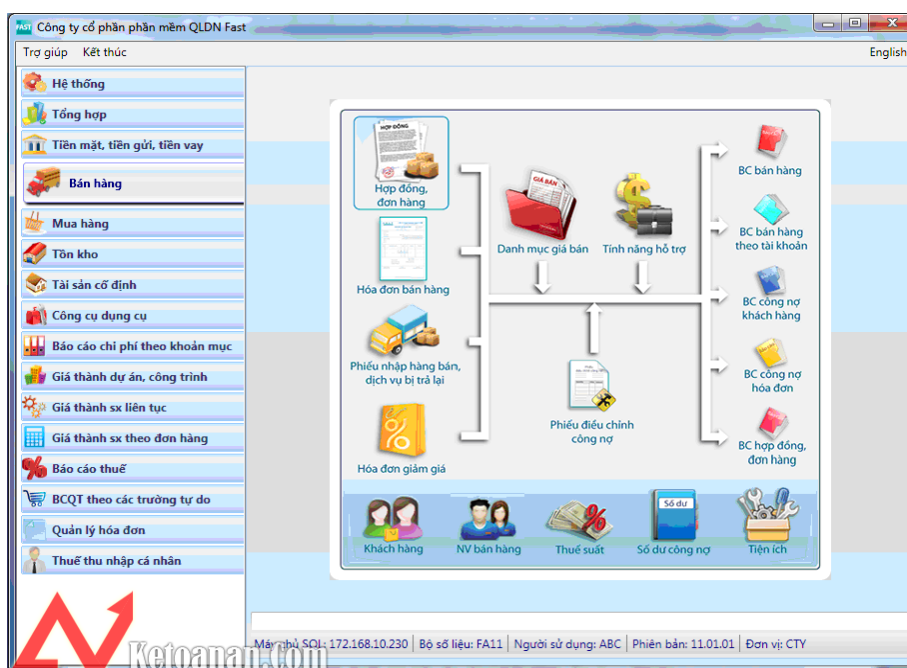
✓ Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính.

✓ Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính.

+ Hỗ trợ hình thức kế toán: Nhật ký chung, Nhật ký sổ cái, Nhật ký – chứng từ, Chứng từ ghi sổ.

+ Chạy trên các hệ điều hành windows XP, windows 7, windows 8,...

❖ PHẦN MỀM KẾ TOÁN FAST ACCOUNTING



- Giá: 12.000.000 VNĐ
- Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ
 - Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 8.500 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như BIT CUP, sản phẩm được nhiều đơn vị sử dụng, CUP CNTT.
- Phần mềm kế toán Fast Accounting ó 16 phân hệ:

SV: Nguyễn Thị Ngọc Hương – QTL901K

- *Hệ thống;*
- *Kế toán tổng hợp;*
- *Kế toán tiền mặt, tiền gửi, tiền vay;*
- *Kế toán bán hàng và công nợ phải thu;*
- *Kế toán mua hàng và công nợ phải trả;*
- *Kế toán hàng tồn kho;*
- *Kế toán TSCĐ;*
- *Kế toán CCLĐ;*
- *Báo cáo chi phí theo khoản mục;*
- *Kế toán giá thành theo dự án, công trình xây lắp;*
- *Kế toán giá thành sản phẩm sản xuất liên tục;*
- *Kế toán giá thành sản phẩm sản xuất theo đơn hàng;*
- *Báo cáo thuế;*
- *Báo cáo quản trị các trường do người dùng tự định nghĩa;*
- *Quản lý theo hóa đơn;*
- *Thuế thu nhập cá nhân.*

▪ Fast Accounting 11 được phát triển trên công nghệ của Microsoft, ngôn ngữ lập trình là C#.Net, cơ sở dữ liệu là SQL Server, có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua Internet. Đặc biệt Fast Accounting 11 có thể chạy đồng thời dưới dạng ứng dụng Windows hoặc ứng dụng Chrome...

❖ Các phần mềm: BRAVO, COMAC, SUNLIGHT,...

➤ Ưu điểm:

- Các phần mềm này giống nhau về quy trình xử lý số liệu, CSDL (Visual fox), chỉ khác nhau về giao diện.

- Giao diện đẹp, dễ sử dụng, dễ cài đặt vận hành.

- Các phần mềm này có phân hệ tính giá thành tuyệt vời so với Misa

➤ Nhược điểm:

- Mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán chưa cập nhật sát chế độ kế toán (Sổ cái các hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ chưa đúng).

- Tính bảo mật không cao, thường xảy ra lỗi (giống như phần mềm Fast Accounting).

Theo em, công ty nên cân nhắc sử dụng phần mềm kế toán Misa. Bởi vì, Misa không chỉ là phần mềm kế toán phổ biến nhất hiện nay mà nó còn có khá nhiều phiên bản. Đối với doanh nghiệp thì MISA SME.NET 2015 là sản phẩm khá phù hợp. Sản phẩm này được phát triển trên nền tảng .NET hiện đại nhất Microsoft, tích hợp hàng loạt những tính năng ưu việt nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu quản lý tài chính, kế toán cả các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Phần mềm kế toán MISA không những cập nhật kịp các chế độ, quy định mới của Bộ tài chính mà còn giải quyết được các yêu cầu thực tế phát sinh của doanh nghiệp như: đáp ứng hệ thống báo cáo quản trị, thường xuyên cập nhật các tính năng mới.. Đặc biệt, MISA biết lắng nghe những phản ánh thực tế của các đơn vị sử dụng phần mềm, ghi nhận và điều chỉnh kịp thời trong phần mềm.

Misa là doanh nghiệp công nghệ thông tin uy tín và cũng là một trong 4 đơn vị đầu tiên được Tổng cục thuế tin cậy, thẩm định phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015, đủ điều kiện đáp ứng Nghị định 51/2010/NĐ-CP.

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 thiết kế cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh với mình. Với MISA SME.NET 2015, doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet.

3.2.3. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ.

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người đúng bộ phận. Việc này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Biểu số 3.2: Sổ giao nhận chứng từ

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Năm.....

STT	Chứng từ		Nội dung trên chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Ký tên	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Người giao	Người nhận

3.2.3 Hoàn thiện việc kiểm nghiệm chất lượng hàng hóa nhập kho

Trong môi trường phát triển kinh tế hội nhập hiện nay, cạnh tranh trở thành một yếu tố mang tính chất quốc tế đóng vai trò quyết định đến sự tồn tại và phát triển của mỗi doanh nghiệp. Đối với một doanh nghiệp xây lắp thì chất lượng hàng hóa trở thành một trong những chiến lược quan trọng nhất làm tăng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Quan tâm tới chất lượng, quản lý chất lượng hàng hóa chính là một trong những phương thức tiếp cận và tìm cách đạt được những thắng lợi trong sự cạnh tranh gay gắt trên thương trường nhằm duy trì sự tồn tại và phát triển của công ty. Để phục vụ nhu cầu sản xuất thì số lượng hàng hóa nhập kho tại công ty là rất lớn, tuy nhiên công ty mới chỉ kiểm tra về mặt số lượng, còn về chất lượng hàng hóa nhập kho chưa được đặc biệt chú trọng.

Vì vậy công ty nên lập một hội đồng kiểm nghiệm và sử dụng biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa để kiểm tra số lượng, quy cách chất lượng hàng hóa nhập kho cũng như quản lý chất lượng trong quá trình bảo quản và sử dụng, từ đó làm căn cứ để quy trách nhiệm trong thanh toán và bảo quản.

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 3.3:

Đơn vị: Công ty cổ phần Bảo An

Mẫu số: 03-VT

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số 48/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM

Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa

Số:

- Căn cứ:số:ngày.....tháng.....năm.....của.....

- Ban kiểm nghiệm gồm:

+ Ông/Bà chức vụ: Đại diện:..... Trưởng ban

+ Ông/Bà chức vụ: Đại diện: Ủy viên

+ Ông/Bà chức vụ: Đại diện: Ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại:

S T T	Tên, nhãn hiệu, quy cách, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng cách, chất	Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất	
A	B	C	D	E	1	2	3	F

Ý kiến của ban kiểm nghiệm:

.....
.....

Đại diện kĩ thuật

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Trưởng ban

(Ký, họ tên)

3.2.5. Hoàn thiện về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Để tránh được những tổn thất có thể xảy ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho của công ty khi lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ kế toán thì công ty nên tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị dự kiến bị tổn thất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh

SV: Nguyễn Thị Ngọc Hương – QTL901K

do giảm giá hàng tồn kho có thể xảy ra trong năm kế hoạch. Đây sẽ là nguồn tài chính bù đắp cho những tổn thất có thể xảy ra khi sự thay đổi giá của hàng hóa có sự biến động theo chiều hướng không có lợi cho công ty và đảm bảo việc cung cấp hàng hóa kịp thời cho hoạt động kinh doanh diễn ra thường xuyên liên tục.

Các khoản dự phòng có vai trò quan trọng đối với doanh nghiệp và nó được thể hiện ở một số mặt khác nhau như: nhờ có khoản dự phòng giảm giá bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp phản ánh chính xác hơn giá trị thực của tài sản. Dự phòng giảm giá được ghi nhận như một khoản chi phí làm giảm lợi nhuận phát sinh để tính toán chính xác hơn ra số lợi nhuận thực tế.

Doanh nghiệp có thể lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nếu tại thời điểm lập báo cáo tài chính những hàng hóa đó có giá trị bán trên thị trường thấp hơn giá trị trên sổ kế toán, hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Doanh nghiệp.

Trên cơ sở tình hình giảm giá, số lượng tồn kho thực tế của từng mặt hàng, kế toán xác định mức dự phòng theo công thức:

$$\text{Mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho} = \text{Số lượng hàng tồn kho bị giảm giá tại thời điểm lập BCTC} \times \text{Chênh lệch giảm giá hàng tồn kho}$$

$$\text{Chênh lệch giảm giá hàng tồn kho} = \text{Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho} - \text{Giá thị trường của hàng tồn kho tại thời điểm lập BCTC}$$

Thời điểm lập dự phòng giảm giá được tiến hành vào cuối niên độ kế toán, trước khi lập báo cáo tài chính và phải thực hiện theo đúng các quy định của cơ chế quản lý tài chính hiện hành.

Phải lập dự phòng cho những vật tư, hàng hóa tồn kho nếu xét thấy có những bằng chứng đáng tin cậy có thể xảy ra trong tương lai.

Kế toán xác định số dự phòng giảm giá cần lập cho niên độ kế toán với điều kiện không được lớn hơn số lợi nhuận thực tế của công ty.

Việc lập dự phòng giảm giá tiến hành riêng cho từng chủng loại vật tư, hàng hóa bị giảm giá và tổng hợp vào bảng kê chi tiết khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho của doanh nghiệp.

Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho sử dụng tài khoản 159 “Các khoản dự phòng” để phản ánh việc lập dự phòng và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho

❖ Nội dung và kết cấu tài khoản 159

Bên Nợ:

- + Hoàn nhập số dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn kỳ này phải lập nhỏ hơn số đã lập kỳ trước.
- + Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, xóa các khoản nợ phải thu khó đòi
- + giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bên Có:

- + Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (Số cần trích lập lần đầu và số chênh lệch giữa số dự phòng kỳ này phải lập lớn hơn số đã lập cuối kỳ trước).
- + Số dự phòng phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.
- + Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ

Số dư bên Có:

- + Số dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn hiện có đầu hoặc cuối kỳ.
- + Số dự phòng các khoản phải thu khó đòi hiện có đầu hoặc cuối kỳ
- + Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có đầu hoặc cuối kỳ.

Tài khoản 159 “ Các khoản dự phòng” có 3 tài khoản cấp 3 sau:

TK 1591 “Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn”

TK 1592 “Dự phòng các khoản phải thu khó đòi”

TK 1593 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”.

❖ Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:

➤ Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý), khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên ghi:

Nợ TK632: Giá vốn hàng bán

Có TK 1593: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

➤ Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý) tiếp theo:

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 1593: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán trước đã sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn ghi:

Nợ TK 1593: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632: Giá vốn hàng bán

Ví dụ:

Cuối năm 2015 giá Xi măng CF trên thị trường chỉ còn 1.209.000 đồng/tấn. Trong khi đó giá ghi sổ của công ty là 1.315.000 đồng/tấn, trong kho còn dự trữ 17 tấn, khi đó công ty cần lập dự phòng giảm giá cho vật liệu này:

Mức giảm giá xi măng CF: $1.315.000 - 1.209.000 = 106.000$ đồng/tấn.

Mức trích lập dự phòng: 106.000 (đồng/tấn) \times 17 (tấn) = $1.802.000$ đồng

Việc lập dự phòng giảm giá được tiến hành riêng cho từng loại hàng hóa và được tổng hợp vào bảng kê dự phòng giảm giá hàng hóa:

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 3.4: Bảng kê chi tiết giảm giá hàng tồn kho.

BẢNG KÊ CHI TIẾT GIẢM GIÁ HÀNG TỒN KHO Năm 2014

Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Giá hạch toán	Giá thị trường	Mức chênh lệch	Mức dự phòng
Xi măng CF	tấn	17	1.315.000	1.209.000	106.000	1.802.000
Xi măng PCB	tấn	19	1.360.000	1.193.000	167.000	3.173.000
Xi măng HT	tấn	28	1.389.000	1.178.000	221.000	6.188.000
Cộng						11.163.000

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Kế toán định khoản:

Nợ TK 632: 11.163.000

Có TK 1593: 11.163.000

Kế toán lập phiếu kế toán cho nghiệp vụ trên rồi từ đó vào sổ Nhật ký chung và sổ cái tài khoản liên quan.

3.2.6. Một số giải pháp khác.

3.2.6.1. Quản lý và sử dụng vật tư.

Để có thể giảm thiểu được chi phí thì công ty phải chú trọng đến công tác quản lý, sử dụng vật tư ở tất cả các khâu, cụ thể như sau:

- Công ty vẫn thường mua của các cửa hàng quen thuộc nên cần tìm kiếm thêm các nhà cung cấp mới để có thể có nhiều lựa chọn hơn, sẽ có được mức giá hợp lý hơn nhằm giảm các chi phí thông qua các khoản giảm giá, chiết khấu thương mại và có được vật tư với chất lượng tốt nhất như vậy cũng tránh được tình trạng phải phụ thuộc vào nhà cung cấp.

3.2.6.2. Bộ máy kế toán.

Để nâng cao hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh ngoài việc tìm kiếm và mở rộng thị trường thì xí nghiệp cũng phải quan tâm đến các vấn đề nhân sự: thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiến thức cho cán bộ công nhân viên đặc biệt là trình độ tin học và các chuẩn mực kế toán mới. Thường xuyên kiểm tra sổ sách, đối chiếu số liệu nhằm phát hiện sai sót để chấn chỉnh kịp thời. Phát huy, tận dụng hết khả năng sử dụng máy vi tính mà công ty trang bị nhằm tổng hợp số liệu khoa học, rõ ràng. Tăng cường theo dõi, kiểm tra cán bộ công nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình thông qua việc thường xuyên theo dõi bảng chấm công của từng phòng ban. Tổ chức giờ làm việc một cách khoa học, ổn định công tác phân công nhiệm vụ cụ thể nhằm chuyên môn hóa công tác kế toán, tăng hiệu quả công việc. Có chính sách khen thưởng với các cá nhân có thành tích xuất sắc trong công việc. Có chế độ thưởng phạt rõ ràng để khuyến khích tinh thần làm việc.

Bộ máy kế toán của một doanh nghiệp là tập hợp những người làm kế toán tại doanh nghiệp cùng với các phương tiện trang thiết bị dùng để ghi chép, tính toán xử lý toàn bộ thông tin liên quan đến công tác kế toán tại doanh nghiệp từ khâu thu nhận, kiểm tra, xử lý đến khâu tổng hợp, cung cấp những thông tin kinh tế về các hoạt động của đơn vị. Vấn đề nhân sự để thực hiện công tác kế toán có ý nghĩa quan trọng hàng đầu trong tổ chức kế toán của doanh nghiệp. Tổ chức nhân sự như thế nào để từng người phát huy được cao nhất điểm mạnh của mình, đồng thời tác động tích cực đến những bộ phận hoặc người khác có liên quan là mục tiêu của tổ chức bộ máy kế toán. Việc phân công nhiệm vụ, chức năng của các cán bộ kế toán của công ty hiện nay chưa hợp lý nên gây ra việc kém hiệu quả trong công tác tổ chức và quản lý. Việc phân chia lại nhiệm vụ của từng người là rất cần thiết vì qua đó có thể tăng được hiệu quả quản lý và nâng cao được sự cạnh tranh của công ty với các đối thủ cạnh tranh.

KẾT LUẬN

Chúng ta đang bước vào một giai đoạn phát triển với tốc độ nhanh mạnh của nền kinh tế mở. Mỗi một doanh nghiệp cần phải xác định rõ ràng mục tiêu con đường phát triển của mình, công ty Cổ phần Bảo An cũng không nằm ngoài quỹ đạo đó. Để trở thành công cụ quản lý có hiệu quả, kế toán nói chung và kế toán hàng hóa nói riêng phải luôn được cải tiến và hoàn thiện, nhằm đáp ứng công tác quản lý trong nền kinh tế hiện nay.

Bài khóa luận “Hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bảo An” đã đề cập được những vấn đề lý luận cơ bản, những tình hình thực tế và đưa ra một số biện pháp hoàn thiện công tác. Tuy nhiên thời gian có hạn và trình độ hiểu biết còn nhiều hạn chế mà sự vận dụng lý thuyết nhà trường vào thực tiễn là cả một quá trình. Do đó, khóa luận không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong được sự chỉ bảo góp ý kiến của các thầy cô giáo và các anh chị trong phòng Kế toán của công ty cũng như các bạn sinh viên trong toàn khoa để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn cô Th.s Nguyễn Thị Mai Linh, cùng các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh của trường Đại học Dân Lập Hải Phòng, cùng Ban Lãnh đạo và các cô chú anh chị trong phòng kế toán Cổ phần Bảo An đã tạo điều kiện, hướng dẫn em hoàn thành khóa luận này.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2016

Sinh viên

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Bộ tài chính (2009), *Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*
4. Bộ tài chính (2001), *Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam*
5. Công ty cổ phần Bảo An (2015), *Sổ sách kế toán Công ty*.
6. Tài liệu tham khảo khác tại thư viện.